

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

**BẢN CÁO BẠCH**
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
MIỀN TÂY

(Giấy phép chứng nhận ĐKKD số 1800172881 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Cần Thơ cấp lại lần thứ 14 ngày 16 tháng 4 năm 2009)

WESTERN BANK

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số: 73.100.SGD.HCM.....do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 04 năm 2010)

BẢN CÁO BẠCH ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Miền Tây

Địa chỉ : 127 Lý Tự Trọng, phường An Phú , Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Điện Thoại : (84-710) 3732424 – Fax: (84-710) 3731768

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Địa chỉ : Lầu 1, 2, 3 Cao ốc Capital Place, Số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, Tp.HCM

Điện Thoại : (08) 38233299 – Fax: (08) 38233301

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : **Nguyễn Phi Long**

Chức vụ : **Phó Giám đốc tài chính**

Số điện thoại : (84-8) 3 930 6100

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN MIỀN TÂY

Giấy Phép thành lập số 003366-GP/TLDN-03 do UBND tỉnh Cần Thơ cấp ngày 15/01/1996 (thay cho giấy phép thành lập số 124/NH D9KKD ngày 28/04/1992 do UBND tỉnh Cần Thơ cấp). Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép số 0016/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/04/1992.

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Miền Tây
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng / cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 100.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết	: 1.000.000.000.000 đồng (Một ngàn tỷ đồng tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ : 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (+84) 8. 3821 9266 **Fax**(+84) 8. 3821 9267

Website : www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Lầu 1, 2, 3 Cao ốc Capital Place, Số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (+84) 8 3823 3299 **Fax**: (+84) 8 3823 3301

Website : www.hsc.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CHỨNG KHOÁN	7
1.	RỦI RO LÃI SUẤT.....	7
2.	RỦI RO TÍN DỤNG.....	7
3.	RỦI RO VỀ NGOẠI HỐI.....	8
4.	RỦI RO VỀ THANH KHOẢN	8
5.	RỦI RO TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI BẢNG	9
6.	RỦI RO HOẠT ĐỘNG	9
7.	RỦI RO PHÁP LUẬT	10
8.	RỦI RO KHÁC	10
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ..	11
1.	TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	11
2.	TỔ CHỨC TƯ VẤN	11
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	11
IV.	TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	13
1.	TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	13
1.1.	Giới thiệu về Ngân hàng.....	13
1.2.	Lịch sử hình thành và phát triển	14
2.	CƠ CẤU TỔ CHỨC.....	18
3.	DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	20
3.1.	Danh sách cổ đông sáng lập.....	20
3.2.	Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ 5% trở lên tính đến ngày 08/03/2010.....	20
3.3.	Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 08/03/2010	21
4.	DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	21
5.	DANH SÁCH CÁC CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT/ CHI PHỐI TỔ CHỨC NIÊM YẾT	21
6.	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	22
6.1.	Các sản phẩm dịch vụ cung cấp.....	22
6.2.	Các mảng hoạt động kinh doanh chính.....	22
6.2.1.	Hoạt động huy động vốn.....	22

6.2.2.	Hoạt động tín dụng và bảo lãnh	25
6.2.3.	Hoạt động thanh toán quốc tế	29
6.2.4.	Hoạt động kinh doanh thẻ	30
6.2.5.	Hoạt động kinh doanh ngoại tệ	30
6.2.6.	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản	30
6.3.	Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn	30
6.3.1.	Bộ máy quản trị rủi ro của Ngân hàng TMCP Miền Tây	31
6.3.2.	Hoạt động quản trị rủi ro tín dụng	33
6.3.3.	Phân cấp thẩm quyền phê duyệt giới hạn tín dụng (GHTD)	33
6.4.	Thị trường hoạt động	33
6.4.1.	Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng TMCP Miền Tây	33
6.4.2.	Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng	33
6.4.3.	Thị phần và khả năng cạnh tranh	35
6.5.	Các dự án đầu tư đang thực hiện	36
6.6.	Trình độ công nghệ tin học	37
6.7.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	38
6.8.	Các hoạt động quan hệ công chúng	38
7.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	38
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh năm 2007, 2008 và năm 2009	38
7.2.	Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng	40
7.3.	Nguyên tắc hạch toán kế toán	42
8.	VỊ THẾ CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	44
8.1.	Vị thế của Ngân hàng TMCP Miền Tây trong ngành	44
8.2.	Triển vọng ngành	46
8.3.	Đánh giá sự phù hợp về định hướng chiến lược phát triển của tổ chức niêm yết	46
9.	CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	49
10.	CHÍNH SÁCH CỔ TỨC	52
11.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	52
12.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT	55
13.	TÀI SẢN	68

13.1.	Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2009.....	68
13.2.	Tài sản cố định vô hình đến ngày 31/12/2009.....	69
13.3.	Tình hình quản lý và sử dụng đất tại thời điểm 31/12/2009.....	69
14.	KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC GIAI ĐOẠN 2010-2011	70
14.1.	Kế hoạch kết quả kinh doanh giai đoạn 2010 – 2011	70
14.2.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận của tổ chức niêm yết	71
15.	THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG	73
15.1.	Các cam kết ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất.....	73
15.2.	Các cam kết khác nhưng chưa thực hiện	73
16.	CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU	74
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	74
1.	THÔNG TIN CHUNG	74
2.	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HOẶC TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	74
3.	XẾP HẠNG TÍN NHIỆM	74
4.	PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ NIÊM YẾT KHỞI ĐIỂM.....	75
5.	GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẴM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI.....	76
6.	CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN.....	77
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT	78
1.	TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	78
2.	TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT	78

PHỤ LỤC

- Phụ lục 1 Danh sách các Chi nhánh, Phòng Giao dịch của Ngân hàng
- Phụ lục 2 Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập
- Phụ lục 3 Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động
- Phụ lục 4 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2009 và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 13/10/2009 về việc phát hành tăng vốn điều lệ
- Phụ lục 5 Báo cáo tài chính của Ngân hàng năm 2007, 2008 và năm 2009 đã được kiểm toán

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CHỨNG KHOÁN

1. RỦI RO LÃI SUẤT

Rủi ro về lãi suất xảy ra khi có sự chênh lệch về kỳ hạn, tính thanh khoản giữa vốn huy động và việc sử dụng vốn huy động của ngân hàng trong điều kiện lãi suất thị trường thay đổi ngoài dự kiến, điều này dẫn đến khả năng giảm thu nhập của ngân hàng so với dự tính.

Tại Ngân hàng TMCP Miền Tây, quản lý rủi ro lãi suất được xác định dựa vào chênh lệch kỳ hạn của nguồn vốn và tài sản trên bảng cân đối tài sản, lãi suất của các khoản mục dưới 1 tháng, từ 1 đến 3 tháng, từ 3 đến 6 tháng, từ 6 tháng 9, từ 9 tháng 1 năm, 1 năm đến 5 năm, trên 5 năm.

Để hạn chế các rủi ro lãi suất, NH TMCP Miền Tây đã chủ động áp dụng chính sách như sau:

- Quản lý tập trung kinh doanh vốn tại Hội sở.
- Thực hiện bảo hiểm rủi ro lãi suất: cho vay với lãi suất thả nổi cho phép Ngân hàng có những sự thay đổi tương ứng trong mức lãi suất cho vay phù hợp với biến động thị trường.
- Thực hiện phân tích và dự báo xu hướng lãi suất để có những chính sách kinh doanh vốn một cách hiệu quả cho từng thời kỳ.

2. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là loại rủi ro dẫn đến tổn thất tài sản trong trường hợp khách hàng vay vốn được cấp tín dụng không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ những cam kết nêu tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Để kiểm soát rủi ro tín dụng, NH TMCP Miền Tây đã thực hiện những nội dung sau:

- Xây dựng chính sách tín dụng với chủ trương đa dạng hoá danh mục đầu tư, phân khúc ngành nghề và khu vực, và tập trung khai thác cho vay cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ để phát triển thị trường bán lẻ.
- Chuẩn hoá quy chế, quy trình tín dụng theo các tiêu chuẩn quốc tế.
- Xây dựng hệ thống chấm điểm tín dụng để xếp hạng khách hàng.
- Ban hành các hạn mức cho vay, tỷ lệ tài trợ so với giá trị tài sản đảm bảo áp dụng theo từng kỳ hạn vay, ngành nghề, khách hàng phù hợp.
- Thực hiện phân cấp thẩm quyền phê duyệt dựa trên nguyên tắc độc lập theo mức thẩm quyền từ cơ sở đến cấp thẩm quyền ở Hội sở. Ban hành và thực hiện các qui định chặt chẽ về thực hiện giám sát, kiểm tra và xử lý trong quá trình xem xét cấp tín dụng, giải ngân và kiểm tra sau khi cho vay.

Ngân hàng TMCP Miền Tây luôn tuân thủ các qui định của NHNN về quản trị rủi ro tín dụng như: Bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn luôn lớn hơn 8%; tuân thủ các giới hạn cho vay tối đa đối với một khách hàng, nhóm khách hàng.

Danh mục tín dụng của NH TMCP Miền Tây tương đối đa dạng và lành mạnh. Mức độ rủi ro tín dụng phụ thuộc nhiều vào điều kiện kinh tế vĩ mô. Trường hợp môi trường kinh tế có khó khăn và kéo dài thì sẽ có ảnh hưởng nhất định đến chất lượng tín dụng. Để có nguồn bù đắp rủi ro này, NH TMCP Miền Tây đã trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định hiện hành.

3. RỦI RO VỀ NGOẠI HỐI

Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá ngoại hối trên thị trường đối với các khoản mục tài sản Nợ và tài sản Có bằng ngoại tệ tại Ngân hàng. Những biến động về tỷ giá hối đoái sẽ làm cho Ngân hàng có thể phải gánh chịu thua lỗ hoặc tăng lợi nhuận.

Để quản trị rủi ro về ngoại hối, NH TMCP Miền Tây thực hiện các biện pháp sau:

- Chính sách cân bằng về ngoại tệ của nguồn vốn và sử dụng vốn ở mức hợp lý với hạn mức được thiết lập trong ngày, trong tuần, tháng, quý.
- Quản lý tỷ giá ngoại tệ và trạng thái ngoại hối tập trung tại Hội sở nhằm đưa ra chính sách điều chỉnh ngoại tệ phù hợp và kịp thời trong từng thời kỳ.

4. RỦI RO VỀ THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là khả năng Ngân hàng không thể đáp ứng các nhu cầu rút tiền thường xuyên hoặc đột xuất của người gửi tiền cũng như không chi trả được kịp thời các nghĩa vụ tài chính khác. Rủi ro thanh khoản bắt nguồn từ sự không phù hợp về quy mô và kỳ hạn giữa các tài sản Nợ và tài sản Có của Ngân hàng tại thời điểm hiện tại hay trong tương lai. Ngoài ra, yếu tố tâm lý, niềm tin của nhà đầu tư cũng là một nhân tố quan trọng gây nên rủi ro thanh khoản.

Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Ngân hàng đã áp dụng các biện pháp để phòng ngừa như sau:

- Thực hiện nghiêm ngặt và chặt chẽ về các qui định về dự trữ bắt buộc, đồng thời duy trì số dư tiền gửi thanh toán tại NHNN và duy trì số dư tiền mặt tại quỹ ở mức phù hợp.
- Tuân thủ chặt chẽ về tỷ lệ an toàn vốn, thanh khoản của NHNN, luôn duy trì tài sản lỏng (tài sản sẵn sàng chuyển thành tiền mặt hoặc có thể chiết khấu cầm cố) đáp ứng nghĩa vụ thanh toán đến hạn.
- Tăng cường tính minh bạch, hợp tác với các ngân hàng thương mại Việt Nam để luôn duy trì một hạn mức tín dụng đủ lớn trong từng thời kỳ để đáp ứng kịp thời nhu cầu thanh toán của Ngân hàng.

Do tuân thủ chặt chẽ các quy định về phòng ngừa rủi ro thanh khoản của NHNN và các quy định quản trị nội bộ như trên, năm 2008, mặc dù thị trường tiền tệ trong nước và quốc tế có nhiều biến động, Ngân hàng TMCP Miền Tây đã thực hiện tốt công tác quản trị rủi ro thanh khoản, giữ nguồn vốn ổn định và tăng trưởng bền vững.

5. RỦI RO TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI BẢNG

Ngân hàng TMCP Miền Tây thực hiện các hoạt động cam kết bảo lãnh cho khách hàng chủ yếu là dựa trên uy tín của mình và các cam kết này được hạch toán ngoại bảng. Tuy nhiên trong trường hợp khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng như mất khả năng thanh toán L/C trả chậm, L/C trả ngay...thì Ngân hàng sẽ gặp rủi ro vì phải thay khách hàng trả tiền cho người thụ hưởng. Lúc đó, nghĩa vụ phát sinh của khách hàng sẽ được hạch toán trong nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

Đối với các cam kết giao dịch ngoại hối, nếu đến ngày thanh toán mà phía đối tác không thực hiện thì ngân hàng cũng sẽ gặp rủi ro. Do đó, các giao dịch kỳ hạn nếu không được thực hiện sẽ là nguồn phát sinh rủi ro dẫn đến những sai lệch so với kế hoạch. Điều này có thể gây ra những tổn thất cho Ngân hàng.

Để giảm thiểu những rủi ro này, Ngân hàng TMCP Miền Tây đã ban hành quy trình thẩm định khách hàng và chỉ thực hiện hoạt động này khi khách hàng đảm bảo các điều kiện:

- Có năng lực tài chính, bề dày hoạt động trong ngành nghề, có đối tác nước ngoài là đối tác quen thuộc, có thị trường tiêu thụ trong nước ổn định, có quan hệ uy tín với ngân hàng;
- Phương án kinh doanh phải khả thi;
- Tỷ lệ ký quỹ an toàn và có tài sản đảm bảo.

6. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là loại rủi ro dẫn đến tổn thất (trực tiếp hoặc gián tiếp) xảy ra do quy trình nghiệp vụ, do con người hoặc do hệ thống hoạt động nội bộ bị lỗi, không phù hợp hoặc do tác động của các sự kiện bên ngoài.

Việc quản lý rủi ro hoạt động của Ngân hàng TMCP Miền Tây còn được kiểm tra và giám sát bởi hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Ngân hàng. Hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ thường xuyên đánh giá tính đầy đủ, phù hợp của quy trình, quy chế hoạt động nghiệp vụ và tính tuân thủ; cảnh báo rủi ro của các bộ phận nghiệp vụ đối với quy trình, quy chế này.

Ngân hàng TMCP Miền Tây luôn đặt ra mục tiêu, yêu cầu đối với các cấp điều hành để đảm bảo hoạt động Ngân hàng an toàn, hiệu quả và ổn định thông qua hệ thống quy trình nghiệp vụ

chặt chẽ và khoa học. Toàn bộ hoạt động của Ngân hàng được giám sát qua hệ thống camera và bảo mật truy cập bằng vân tay ngoài mật mã truyền thống.

Theo Giấy hoạt động số 0016/NH-CP ngày 06/4/1992 của NHNN Việt Nam, thời hạn hoạt động của Ngân hàng TMCP Miền Tây là 20 năm, và sẽ kết thúc vào năm 2012. HĐQT Ngân hàng đã có thông báo đến NHNN TP. Cần Thơ và dự kiến sẽ trình ĐHCĐ gần nhất để xin cổ đông thông qua việc điều chỉnh tăng thời hạn hoạt động lên 99 năm theo quy định hiện hành.

Theo quy định bắt buộc của Ngân hàng Nhà nước (Nghị định 141/2006/NĐ-CP) về vốn điều lệ đối với các ngân hàng thương mại cổ phần đến năm 2010 tối thiểu là 3.000 tỷ đồng. Vốn điều lệ hiện tại của Ngân hàng là 1.000 tỷ đồng, và Ngân hàng đã có chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước và đang hoàn tất thủ tục tăng vốn từ 1.000 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng, và tiếp theo sẽ tăng từ 2.000 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng trong năm 2010. Đây cũng là một áp lực cho Ngân hàng.

7. RỦI RO PHÁP LUẬT

Ngân hàng TMCP Miền Tây là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ - một lĩnh vực nhạy cảm, chịu sự điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật, có quan hệ và ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều đối tượng khách hàng, tầng lớp trong xã hội.

Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế giới. Do vậy hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước không ngừng được chỉnh sửa, bổ sung, ban hành mới để hoàn thiện cho phù hợp với thông lệ quốc tế và cam kết của Việt Nam với các tổ chức quốc tế. Việc không áp dụng kịp thời, không đúng các văn bản pháp luật điều chỉnh sẽ dẫn đến rủi ro về mặt luật pháp đối với hoạt động Ngân hàng.

Trước thực trạng trên, Ngân hàng TMCP Miền Tây luôn chủ động trong việc cập nhật và hệ thống hoá các văn bản pháp luật, tổ chức các đợt tập huấn định kỳ hoặc đột xuất để phổ biến các văn bản, chế độ, chính sách mới của Nhà nước và Ngân hàng tới toàn thể các cán bộ của Ngân hàng.

Ngoài ra, trong từng mảng nghiệp vụ, Ngân hàng TMCP Miền Tây đều ban hành các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ và các mẫu biểu hướng dẫn cụ thể nhằm đảm bảo tính thống nhất và tuân thủ cao. Đội ngũ cán bộ pháp lý luôn được tăng cường để đảm bảo tư vấn kịp thời cho mọi hoạt động của các phòng ban, chi nhánh.

8. RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... xảy ra một cách khách quan không thể dự đoán trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho

phép là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Ngân hàng TMCP Miền Tây.

Để đề phòng những rủi ro và thiệt hại có thể xảy ra, Ngân hàng áp dụng nhiều chính sách đồng bộ như cho vay phân tán, những tài sản có giá trị của Ngân hàng đều được Ngân hàng TMCP Miền Tây mua bảo hiểm tài sản và đồng thời yêu cầu khách hàng tùy theo lĩnh vực kinh doanh phải mua các bảo hiểm liên quan để dự phòng các sự cố không may xảy ra.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN MIỀN TÂY

Ông Trần Quang Sơn : Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
Ông Đinh Ngọc Sơn : Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Quốc Sỹ : Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Lê Hoàng Lân : Trưởng Ban Kiểm Soát
Bà Đặng Thị Hoàng Phượng : Kế Toán trưởng.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ông **Johan Nyvene** : Tổng Giám đốc
Ông **Trịnh Hoài Giang** : Phó Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do những người chịu trách nhiệm nêu trên và Phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM (HSC) soạn thảo. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên dữ liệu thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách có hệ thống.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- “Ngân hàng” hoặc “Western Bank”: Ngân hàng TMCP Miền Tây được thành lập theo giấy phép theo số 0016/NH-GP của Thống đốc NHNN Việt Nam, cấp ngày 06/04/1992.
- “Bản cáo bạch”: Bản công bố thông tin của Ngân hàng về tình hình tài chính, hoạt động

kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

- “Cổ phần”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- “Cổ phiếu”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
- “Cổ đông”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của ngân hàng và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của ngân hàng.
- “Cổ tức”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của ngân hàng sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
- “Tổ chức niêm yết”: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Miền Tây.
- “Điều lệ”: Điều lệ của Ngân hàng Miền Tây đã được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng thông qua và được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch

- UBCKNN Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDK Sở Giao dịch Chứng khoán
- HOSE Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- HNX Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- BHXH Bảo hiểm xã hội
- CNĐKKD Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- TTCK Thị trường chứng khoán
- NHNN Ngân hàng nhà nước
- TMCP Thương mại cổ phần
- TCTD Tổ chức tín dụng
- BCTC Báo cáo tài chính
- TSCĐ Tài sản cố định
- SXKD Sản xuất kinh doanh
- OTC Thị trường giao dịch chứng khoán tự do
- HĐKD Hoạt động kinh doanh
- HĐQT Hội đồng Quản trị

- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông
- BKS Ban kiểm soát
- ALCO Ủy ban Quản Lý Tài sản Nợ - Tài sản Có
- CAR Hệ số an toàn vốn
- L/C Thư tín dụng
- LNST/LNT Lợi nhuận sau thuế / Lợi nhuận thuần
- POS Máy thanh toán
- QLRR Quản lý rủi ro

IV. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1. Giới thiệu về Ngân hàng

Tên ngân hàng : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Miền Tây

Tên viết tắt : Ngân hàng Miền Tây

Tên tiếng Anh : Western Commercial Joint Stock Bank

Tên viết tắt tiếng Anh : Western Bank

Biểu tượng ngân hàng : 

Vốn điều lệ : 1.000.000.000.000 đồng (Một ngàn tỷ đồng)

Trụ sở chính : 127 Lý Tự Trọng, phường An Phú , Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Điện thoại : (84 - 710) 373 2424. - Fax (84 - 710) 373 1768

Website : www.westernbank.vn

Swift code : WBVNVNVX

Giấy CNĐKKD : Giấy phép chứng nhận ĐKKD số 1800172881 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Cần Thơ cấp lại lần thứ 14 ngày 16/04/2009.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Ngân hàng TMCP Miền Tây là cung cấp dịch vụ ngân hàng trên toàn lãnh thổ Việt Nam, bao gồm:

- Huy động vốn: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn, dài hạn từ các tổ chức và cá nhân;
- Hoạt động tín dụng: cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng;
- Hoạt động bảo lãnh: bảo lãnh dự thầu, thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh vay vốn và bảo lãnh đảm bảo chất lượng sản phẩm;
- Thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác;
- Các dịch vụ thanh toán;
- Dịch vụ ngân hàng khác.

Thời hạn hoạt động : 20 năm

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Miền Tây tiền thân là Ngân hàng Nông thôn Cờ Đỏ, Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0016/NH-GP do Thống đốc NHNN cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 1992 và Giấy phép thành lập ngân hàng số 124/NH-ĐKKD do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cần Thơ cấp ngày 28 tháng 4 năm 1992. Trong quá trình phát triển, Ngân hàng có các mốc lịch sử và thành tựu phát triển như sau:

Năm 1992 đến 2004:

- Thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 320 triệu đồng.
- Từ năm 1992 đến 2004, sau nhiều lần tăng vốn, đến cuối năm 2004 số vốn điều lệ của Ngân hàng đã đạt là 22,9 tỷ đồng.

Năm 2005:

- Tăng vốn điều lệ lên 52 tỷ đồng.
- Được cam kết nguồn vốn dài hạn 50 tỷ trong năm 2006 từ quỹ tín dụng nông thôn II (RDF II) của Ngân hàng Thế giới và được xem xét tham gia nguồn vốn dài hạn từ quỹ tín dụng nông thôn III (RDF III).

- Trong: “Báo cáo sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT Việt Nam 2005 (“Vietnam ICT Index 2005”) xếp loại hạ tầng nhân lực CNTT-TT của Ngân hàng Miền Tây đứng thứ 3, hạ tầng kỹ thuật CNTT-TT đứng thứ 4, xếp hạng chung các Ngân hàng Thương Mại, Western Bank xếp thứ 9 trong nhóm 10 Ngân hàng.

Năm 2006:

- Tăng vốn điều lệ lên 152,2 tỷ đồng.
- Hoàn thành kế hoạch nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng và chuẩn bị nguồn nhân lực cho mở rộng hoạt động của Ngân hàng, thực hiện các chương trình đào tạo nghiệp vụ và dịch vụ khách hàng liên tục cho đội ngũ nhân viên đã từng bước nâng cao niềm tin của khách hàng đối với Western Bank.
- Vượt mức cổ tức theo nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2006 và được Ngân hàng Nhà nước Cần Thơ đánh giá đứng thứ 2 về hoạt động hiệu quả trong số các ngân hàng và chi nhánh ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn Cần Thơ.

Năm 2007:

- Tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng.
- Western Bank được chuyển đổi từ Ngân hàng TMCP nông thôn (Ngân hàng TMCP Nông thôn Cờ Đỏ) sang mô hình hoạt động Ngân hàng TMCP đô thị (Ngân hàng TMCP Miền Tây) vào tháng 6 năm 2007.
- Hệ thống Quản trị ngân hàng trực tuyến CoreBanking chính thức hoạt động;
- Triển khai thành công và đưa vào hoạt động hệ thống bảo mật dùng vân tay (lần đầu tiên sử dụng trong hệ thống ngân hàng Việt Nam) cho toàn bộ nhân viên khi truy cập vào cơ sở dữ liệu của Ngân hàng và áp dụng cho cả khách hàng.
- Lần lượt mở rộng mạng lưới khắp nước, khởi đầu bằng những sự kiện khai trương đồng loạt các chi nhánh ở Hà Nội, Đà Nẵng, TP. HCM vào trung tuần tháng 10.2007.
- Ngân hàng triển khai hệ thống camera quan sát chuyên dụng thông qua mạng internet (dùng IP camera) kết hợp với hệ thống hội nghị truyền hình (đã đưa vào ứng dụng năm 2006), tạo điều kiện thuận lợi và hiệu quả cho việc giám sát điều hành của ngân hàng khi mở rộng mạng lưới.
- Tập trung phát triển các kênh phân phối mới như ATM, Web, POS, các loại thẻ thanh toán và liên kết với các đối tác chiến lược có tiềm lực tài chính mạnh.

Năm 2008

- Tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng.
- Đứng thứ 1 trong tổng số 22 ngân hàng thương mại tại Việt Nam về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông (Báo cáo Việt Nam ICT Index 2007).
- Western Bank còn là Ngân hàng nhận giải thưởng “*Cúp vàng thương hiệu chứng khoán uy tín*” và “*Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam*” do Hiệp hội Kinh doanh chứng khoán VN, Tạp chí Chứng khoán VN, Trung tâm Thông tin tín dụng Ngân hàng Nhà nước và nhiều công ty khác phối hợp tổ chức hàng năm.
- Được Ngân hàng Nhà nước xếp Hạng A;

Năm 2009

- Tham gia chính thức hệ thống thanh toán thẻ Banknet;
- Tham gia hệ thống SWIFT;

Sau hai năm tăng vốn và chuyển đổi mô hình hoạt động thành ngân hàng đô thị, Western Bank đã nhanh chóng thể hiện năng lực của mình là một trong những ngân hàng hoạt động hiệu quả liên tục suốt 20 năm. Hiện nay, Western Bank được Ngân hàng Thế giới dành cho nguồn vốn tài trợ phát triển nông thôn 70 tỷ đồng và 20.000 USD cho việc đào tạo phát triển nhân lực.

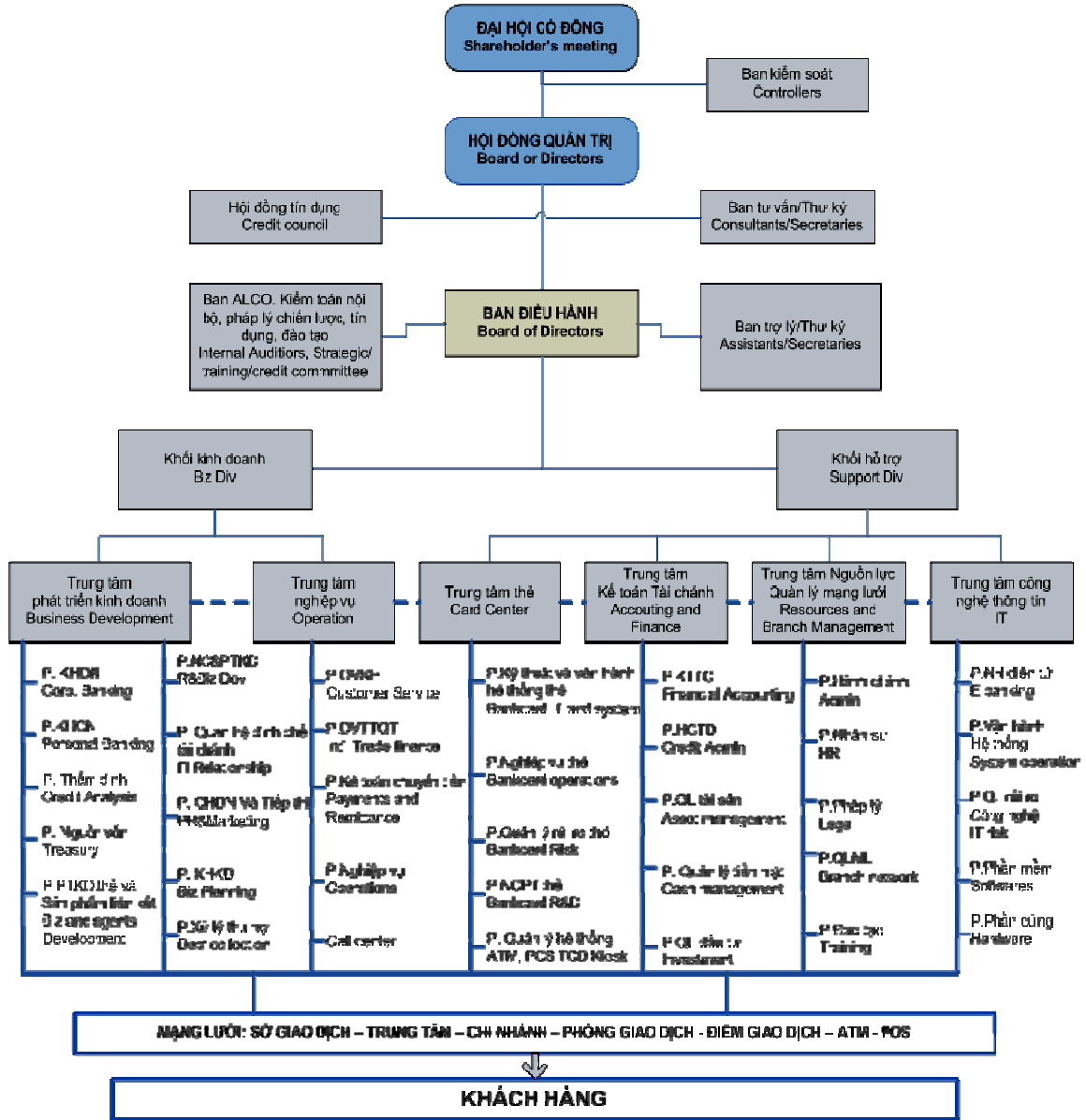
Cũng trong năm 2008, sóng gió của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã tác động lớn đến thị trường tiền tệ Việt Nam. Trong khi nhiều ngân hàng khác thắt chặt cho vay tiêu dùng, Western Bank vẫn tự tin triển khai nhiều sản phẩm cho vay tiêu dùng (cho vay mua mới và sửa chữa nhà, cho vay du học, cho vay mua xe ô tô...) cùng các dịch vụ cho vay khác của ngân hàng. Bên cạnh những hoạt động vì cộng đồng như tham gia & tặng quà cho các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn cơ nhỡ, đặc biệt với thế hệ tương lai của đất nước là học sinh, sinh viên, Western Bank là một trong những ngân hàng đi đầu trong việc quan tâm, chăm sóc nguồn nhân lực tương lai bằng các chương trình, sân chơi bổ ích như “Săn học bổng và quà tặng tại Western Bank” (suốt năm 2008 và đang tiếp tục năm 2009), tài trợ cho các quỹ khuyến học, tài trợ xây dựng phòng Lab, đường truyền internet cho trường Đại Học Hùng Vương Tp. HCM. Western Bank còn liên kết tài trợ cho các trường Đại Học Tỉnh/ Thành Phố về cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy và học tập của Giảng viên & Sinh viên. Mới đây Western Bank tham gia tài trợ chương trình đồng hành cùng sinh viên do trường Đại học Ngân hàng tổ chức. Western Bank luôn hợp tác cùng các trường cao đẳng, đại học trong việc tiếp nhận và tạo cơ hội việc làm để sinh viên phát huy tài năng và năng lực của mình.

Western Bank lần lượt mở rộng mạng lưới khắp cả nước bằng sự ra đời của hàng loạt chi

nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Lạt, Quy Nhơn. Từ 4 điểm giao dịch năm 2004 đến nay (30/06/2009) Western Bank đã có 50 điểm giao dịch trên cả nước (trong đó có 1 sở giao dịch, 5 chi nhánh và 44 phòng giao dịch trực thuộc). Western Bank thực hiện nhiều dịch vụ ngân hàng như phát triển thẻ ngân hàng (trong giai đoạn thử nghiệm), kinh doanh ngoại hối, thanh toán quốc tế, cho vay doanh nghiệp, cho vay tiêu dùng... Hiện nay, Western Bank đã thành lập công ty trực thuộc là Công ty Quản lý nợ và Khai Thác tài sản.

Với khách hàng trên cả nước, Western Bank đã tạo được niềm tin vững chắc, thể hiện qua số vốn huy động tăng nhanh, trong năm 2009 đã đạt tổng vốn huy động tăng 285% so với cùng kỳ năm 2008. Dư nợ cho vay năm 2009 tăng hơn 31% so với cùng kỳ năm 2008. Năm 2009 lợi nhuận trước thuế tăng 20% so với cùng kỳ 2008.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC



- Ghi chú:

- quan hệ chỉ đạo, điều hành tương ứng
- - - quan hệ hỗ trợ hợp tác
- quan hệ phục vụ

- KHON: khách hàng doanh nghiệp
- KINH: khách hàng cá nhân
- KINH: Nhân viên nội bộ
- A. CO: quản lý tài sản ngoài
- DVTQT: dịch vụ thương mại quốc tế
- GNDT: quan hệ đối ngoại

- P: Phòng
- NCTP: nghiên cứu phát triển
- CSKH: dịch vụ khách hàng
- Q. M: Quản lý mạng lưới
- J.C: kinh doanh
- AS: nhân sự

- ATM: máy rút tiền tự động
- POS: đại lý thẻ
- e-banking: dịch vụ ngân hàng trực tuyến
- Core banking: nghiệp vụ, ngân hàng

Đại Hội đồng cổ đông:

Bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết của ngân hàng. Là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng, quyết định các vấn đề quan trọng của Ngân Hàng theo luật định.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Ngân hàng có nghĩa vụ quản trị Ngân hàng giữa hai kỳ đại hội, có quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị mỗi nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. Nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị là 5 năm.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, có quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu như sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh Ngân hàng.
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh Ngân hàng; trong việc tổ chức công tác kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Hiện tại Ban Kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát và của mỗi thành viên là 5 năm.

Hội đồng tín dụng

Hội đồng tín dụng do Hội đồng Quản trị lập, có quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu sau:

- Xét duyệt các khoản vay theo hạn mức Hội đồng Quản trị qui định.
- Đề xuất Hội đồng Quản trị xét duyệt các khoản vay vượt quá thẩm quyền của Hội đồng tín dụng;

Ban Tư vấn/ Thư ký

- Giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong công tác quản lý Ngân hàng.
- Chịu sự chỉ đạo và báo cáo trực tiếp cho Hội đồng Quản trị.

Ban điều hành

Tổng giám đốc là người có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Ngân hàng

theo đúng quy định pháp luật, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế và các qui định của Ngân hàng, đồng thời là người tham mưu cho HĐQT về hoạch định các mục tiêu, chính sách. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng giám đốc và các trung tâm, khối, phòng, ban nghiệp vụ chuyên môn.

Ban ALCO (Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có)

- Quản lý bằng tổng kết tài sản nhằm tối đa hoá thu nhập cho Ngân hàng.
- Xem xét và phê chuẩn chính sách quản lý tài sản nợ - có (ALM), các thủ tục và công cụ kiểm soát, đo lường, đảm bảo việc thực hiện và tuân thủ chính sách của các đơn vị trong toàn hệ thống.
- Quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường và rủi ro lãi suất.

3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

3.1. Danh sách cổ đông sáng lập

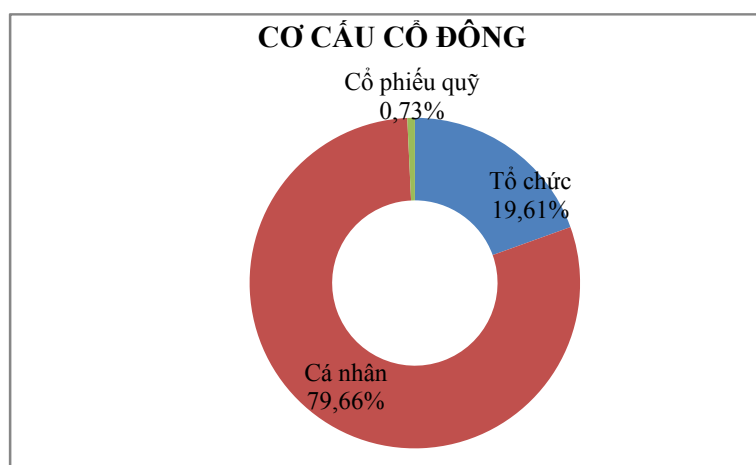
Do Ngân hàng TMCP Miền Tây được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD từ năm 1992 nên những cổ đông sáng lập của công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng như theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3.2. Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ 5% trở lên tính đến ngày 08/03/2010

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CP SỞ HỮU	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ LỆ SỞ HỮU
Hoàng Minh Hường	20 Phùng Khắc Khoan, Q.1, TP HCM	12.004.140	120.041.400.000	12,00%
Nguyễn Thị Kim Thanh	90 Nguyễn Huệ, P. Bến Thành, Q.1, TP HCM	9.966.550	99.665.500.000	9,97%
Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn – Bình Định	160 Tăng Bạt Hổ, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	9.852.727	98.527.270.000	9,85%
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn	Lô 9, Đường C, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo, Q. Bình Tân, Tp. HCM	9.405.000	94.050.000.000	9,41%
Tổng cộng		41.228.417	412.284.170.000	41,23%

3.3. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 08/03/2010

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ (VND)	TỶ LỆ SỞ HỮU	SỐ CỔ ĐÔNG
Tổ chức trong nước	19.614.477	196.144.770.000	19,61%	4
Tổ chức ngoài nước	-	-	-	-
Cá nhân trong nước	79.658.358	796.583.580.000	79,66%	409
Cá nhân ngoài nước	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	727.165	7.271.650.000	0,73%	-
Tổng cộng	100.000.000	1.000.000.000.000	100%	413



4. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Ngân hàng có một công ty con là Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Miền Tây (viết tắt AMC Ngân hàng Miền Tây), được thành lập theo Quyết định số 3132/QĐ-NHNN ngày 16/12/2008 của Thống Đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với mức vốn điều lệ 100 tỷ đồng do Ngân hàng Miền Tây góp vốn 100%.

5. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY NĂM QUYỀN KIỂM SOÁT/ CHI PHỐI TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Không có.

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Các sản phẩm dịch vụ cung cấp

Ngân hàng Miền Tây được phép cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ của một ngân hàng

- Dịch vụ tài khoản;
- Dịch vụ huy động vốn (tiền gửi tiết kiệm, trái phiếu, kỳ phiếu);
- Dịch vụ cho vay cá nhân, doanh nghiệp (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn);
- Dịch vụ chuyển tiền trong và ngoài nước;
- Dịch vụ thanh toán quốc tế;
- Dịch vụ kinh doanh ngoại hối, mua bán ngoại tệ;
- Dịch vụ thẻ;
- Dịch vụ bảo lãnh;
- Dịch vụ ngân hàng đại lý;
- Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận ĐKKD.

6.2. Các mảng hoạt động kinh doanh chính

6.2.1. Hoạt động huy động vốn

Nhằm đảm bảo sự tăng trưởng ổn định của nguồn vốn, Ngân hàng TMCP Miền Tây chú trọng công tác huy động vốn, sử dụng công cụ lãi suất linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng khách hàng và tận dụng lợi thế vùng, miền để thu hút nguồn vốn nhàn rỗi từ nền kinh tế.

Các hình thức huy động vốn của Ngân hàng rất đa dạng, linh hoạt nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu gửi tiền của khách hàng bao gồm tiền tiết kiệm và tài khoản của khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Ngân hàng đã tích cực mở rộng quan hệ, tìm kiếm khách hàng, đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Hiện nay, Ngân hàng TMCP Miền Tây có nhiều sản phẩm tiết kiệm đồng Việt Nam và ngoại tệ với kỳ hạn phong phú, thu hút mạnh nguồn vốn nhàn rỗi trong dân cư và doanh nghiệp. Các sản phẩm huy động vốn của Ngân hàng TMCP Miền Tây rất linh hoạt, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng như: các sản phẩm tiết kiệm cho phép khách hàng chủ động lựa chọn phương thức nhận lãi, gốc với lãi suất ưu đãi kèm theo nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn.

Tăng trưởng huy động vốn qua các năm như sau:

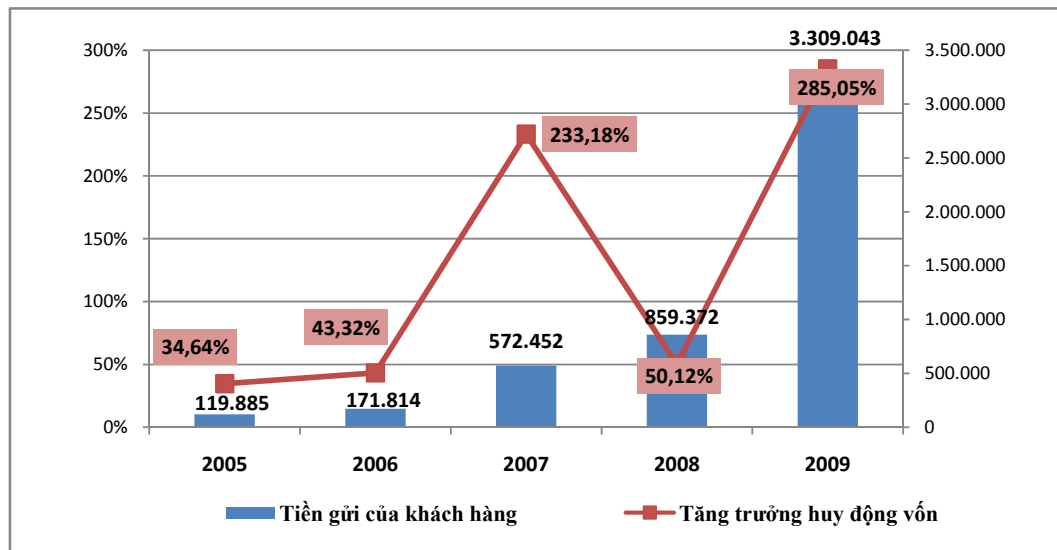
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008	2009
Tiền gửi của khách hàng	119.885	171.814	572.452	859.372	3.309.043
Tăng trưởng huy động vốn	34,64%	43,32%	233,18%	50,12%	285,05%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, năm 2008 và năm 2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây đã được kiểm toán.

Đơn vị: triệu đồng

ĐỒ THỊ VỀ TĂNG TRƯỞNG HUY ĐỘNG VỐN CỦA WESTERN BANK



Năm 2007, huy động vốn từ tiền gửi của các khách hàng của Ngân hàng TMCP Miền Tây tăng mạnh so với năm 2006, năm 2007 tăng 233% so với năm 2006.

Cuối năm 2007 đến đầu năm 2008, lạm phát tăng cao, theo chỉ đạo của Chính phủ, NHNN thực hiện các chính sách tiền tệ thắt chặt, kiểm soát tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán, khống chế mức tăng trưởng tín dụng đã tạo ra cuộc đua về lãi suất huy động giữa các ngân hàng, đẩy mặt bằng lãi suất chung lên cao làm cho hoạt động kinh doanh ngân hàng gặp nhiều khó khăn. Tình hình khó khăn tiếp tục kéo dài hết năm 2008. Mặc dù trong tình hình khó khăn chung, huy động vốn của Ngân hàng TMCP Miền Tây năm 2008 vẫn tăng 50% so với năm 2007.

Bước vào đầu năm 2009 nền kinh tế toàn cầu đối mặt với cơn khủng hoảng tài chính, tuy nhiên nhờ sự hỗ trợ của các gói kích cầu của các Chính phủ các nước mà nền kinh tế dần dần bước ra khỏi cơn khủng hoảng tài chính, trong đó có Việt Nam. Trong hình hình khó khăn như thế mà ngân hàng vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng Huy động vốn khá cao, năm 2009 tăng 285% so với năm 2008.

Tình hình huy động vốn giai đoạn năm 2007 đến 2009:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu Huy động vốn	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009	Tốc độ tăng trưởng	
				2008-2007	2009 -2008
I Tiền gửi của khách hàng	572.452	859.372	3.309.043	50,1%	285,05%
1. Theo loại hình					
<i>Tiền gửi không kỳ hạn</i>	308.560	411.757	576.763	33,4%	40,07%
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	263.892	446.196	2.684.473	69,1%	501,64%
<i>Tiền ký quỹ</i>	-	1.419	47.807	-	3269,06%
2. Theo đối tượng					
<i>Tổ chức</i>	290.041	334.342	1.478.572	15,3%	342,23%
<i>Cá nhân và đối tượng khác</i>	282.411	525.030	1.830.471	85,9%	248,64%
3. Theo loại tiền					
<i>VNĐ</i>	572.452	830.298	3.251.310	45,1%	291,58%
<i>Ngoại tệ quy ra VNĐ</i>	-	29.074	57.733	-	98,57%
II Tiền gửi của các TCTD	269.328	619.619	5.658.642	130,1%	813,25%
1. Tiền gửi không kỳ hạn	69.328	19.619	47.207	(71,7%)	140,62%
2. Tiền gửi có kỳ hạn	200.000	600.000	5.611.435	200,0%	835,24%
Tổng huy động vốn	841.780	1.478.991	8.967.685	75,7%	506,34%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, năm 2008 và năm 2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây đã được kiểm toán.

Do tình hình thị trường tài chính biến động nên cơ cấu huy động vốn của Ngân hàng TMCP Miền Tây giữa các năm cũng có sự thay đổi, tuy nhiên mức thay đổi là không đáng kể.

Tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn của khách hàng trong năm 2007 và 2008 gần bằng nhau. Nhưng qua 9 tháng đầu năm 2009, tỷ trọng này có sự thay đổi lớn là tiền gửi không kỳ hạn giảm, tỷ trọng còn 17,4%, trong khi đó tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn lại tăng mạnh với tỷ trọng 82,6% đối với tiền gửi của các TCTD thì tiền gửi có kỳ hạn là chủ yếu.

Tỷ trọng tiền gửi của các tổ chức kinh tế năm 2008 giảm so với năm 2007 và ngược lại tỷ trọng tiền gửi của cá nhân năm 2008 (chiếm 61%) tăng so với năm 2007 (chiếm 49%). Vào thời điểm cuối năm 2009, tỷ trọng tiền gửi cá nhân và đối tượng khác là 55,3% và tiền gửi tổ chức là 44,7%.

Ngân hàng TMCP Miền Tây được cấp phép kinh doanh ngoại hối từ tháng 5 năm 2008.

6.2.2. Hoạt động tín dụng và bảo lãnh

Năm 2007, hoạt động tín dụng của Ngân hàng đã phát triển mạnh. Hoạt động tín dụng đã được đa dạng theo các đối tượng khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và đa dạng hóa theo ngành nghề để đảm bảo thực hiện một cách chuyên sâu, chất lượng cao. Tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2007 là 82,89% so với năm 2006.

Đầu năm 2008, Ngân hàng TMCP Miền Tây đã tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng. Với nguồn vốn tự có dồi dào, Ngân hàng đã mở rộng hoạt động cho vay tín dụng trong năm 2008, đến cuối năm 2008 dư nợ tín dụng Ngân hàng tăng 117,1% so với năm 2007. Tuy nhiên mức tăng trưởng tín dụng của năm 2009 tăng 31,27% so với cuối năm 2008, một phần phù hợp theo chủ trương kiểm soát tín dụng của NHNN và kiểm soát chất lượng tín dụng của ngân hàng.

Năm 2008 và đầu năm 2009, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và NHNN về kiểm soát tín dụng để góp phần kiềm chế lạm phát, trên cơ sở nhận định mức độ rủi ro của thị trường, và trước những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế vĩ mô nói chung và thị trường tiền tệ nói riêng, Ngân hàng TMCP Miền Tây liên tục có sự điều chỉnh về chính sách tín dụng theo hướng phù hợp với điều kiện thị trường đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả.

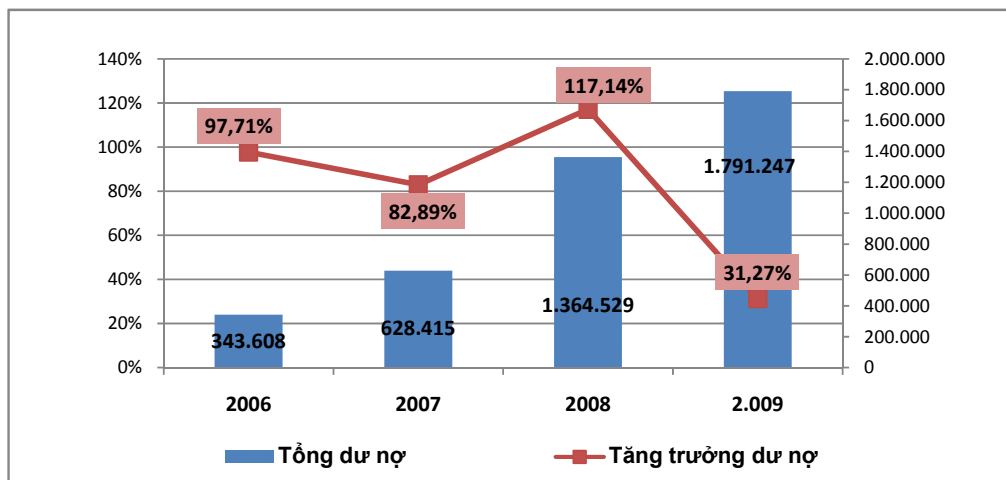
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
1. Tổng dư nợ tín dụng	343.608	628.415	1.364.529	1.791.247
2. Tăng trưởng dư nợ tín dụng		97,71%	82,89%	117,14%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, năm 2008 và năm 2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây đã được kiểm toán.

Đơn vị: triệu đồng

ĐỒ THỊ TĂNG TRƯỞNG DƯ NỢ TÍN DỤNG CỦA WESTERN BANK



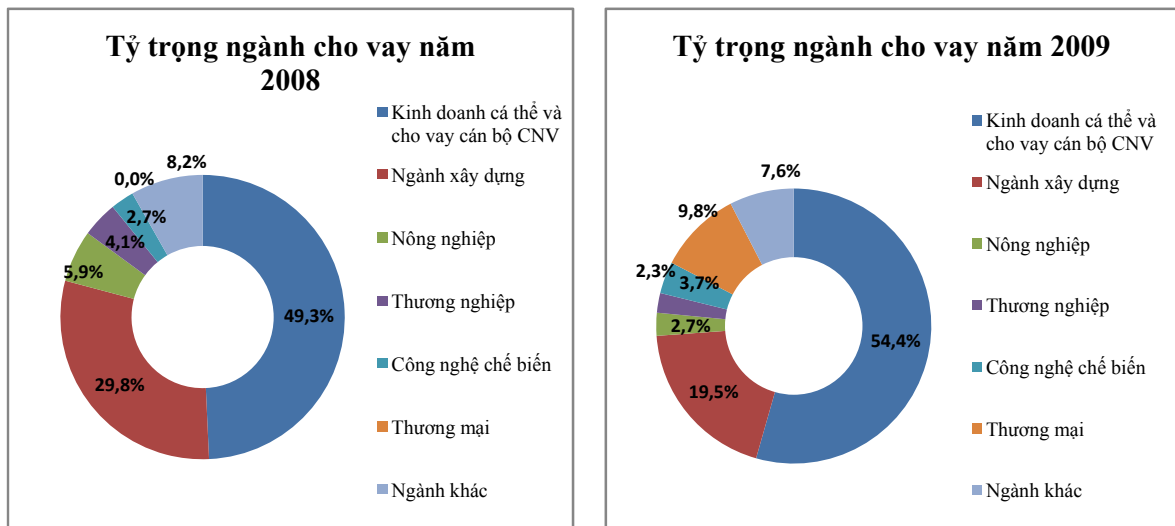
Cơ cấu dư nợ phân loại theo ngành

Đơn vị: triệu đồng

Ngành	31/12/2007		31/12/2008		31/12/2009	
	Số dư	%	Số dư	%	Số dư	%
Kinh doanh cá thể và cho vay cán bộ CNV	126.111	20,07%	672.412	49,28%	974.607	54,41%
Ngành xây dựng	229.877	36,58%	407.155	29,84%	348.456	19,45%
Nông nghiệp	121.979	19,41%	80.880	5,93%	48.137	2,69%
Thương nghiệp	50.713	8,07%	55.374	4,06%	41.360	2,31%
Công nghệ chế biến	46.523	7,40%	36.516	2,68%	67.061	3,74%
Thương mại	-	0,00%	-	0,00%	175.902	9,82%
Ngành khác	53.212	8,47%	112.192	8,22%	135.724	7,58%
Cộng	628.415	100%	1.364.529	100%	1.791.247	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, năm 2008 và năm 2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây đã được kiểm toán.

BIỂU ĐỒ TỶ TRỌNG NGÀNH CHO VAY NĂM 2008 VÀ NĂM 2009



Ngân hàng TMCP Miền Tây cho vay ở mọi lĩnh vực hoạt động. Do đặc thù của Ngân hàng là chuyển đổi từ Ngân hàng cổ phần nông thôn nên trong cơ cấu cho vay, lĩnh vực hoạt động kinh doanh cá thể chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu cho vay, kế tiếp lĩnh vực xây dựng cũng chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu cho vay của Ngân hàng.

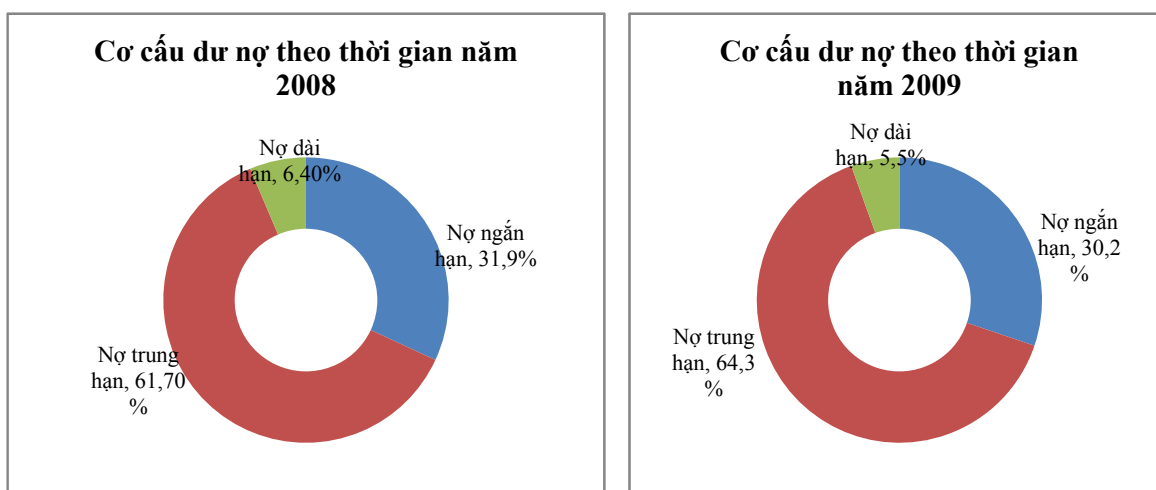
Cơ cấu dư nợ phân theo thời gian

Đơn vị: triệu đồng

Loại	31/12/2007		31/12/2008		31/12/2009	
	Số dư	%	Số dư	%	Số dư	%
Nợ ngắn hạn	300.387	47,8%	435.382	31,9%	540.736	30,19%
Nợ trung hạn	251.590	40,0%	842.443	61,7%	1.152.453	64,34%
Nợ dài hạn	76.438	12,2%	86.704	6,4%	98.058	5,47%
Cộng	628.415	100%	1.364.529	100%	1.791.247	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, năm 2008 và năm 2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây đã được kiểm toán.

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DƯ NỢ THEO THỜI GIAN NĂM 2008 VÀ NĂM 2009



Tỷ trọng cho vay trung hạn và dài hạn của Ngân hàng năm 2008 là 68.1% và năm 2009 là 69.8%. Tỷ trọng nguồn vốn sử dụng dài hạn gia tăng nhằm tạo nguồn thu ổn định phục vụ việc mở rộng qui mô và tăng trưởng bền vững của Ngân hàng trong thời gian tới.

Cơ cấu dư nợ phân theo đối tượng

Đơn vị: triệu đồng

Đối tượng	31/12/2007		31/12/2008		31/12/2009	
	Số dư	%	Số dư	%	Số dư	%
Tổ chức kinh tế	321.630	51,2%	500.878	36,7%	618.384	34,52%
Cá nhân	306.785	48,8%	863.651	63,3%	1.172.863	65,48%
Cộng	628.415	100%	1.364.529	100%	1.791.247	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, năm 2008 và năm 2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây đã được kiểm toán.

Ngân hàng TMCP Miền Tây là một Ngân hàng đa năng cung cấp nhiều loại dịch vụ đa dạng cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong mọi lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược phát triển của nhà nước, chiến lược phát triển của ngành ngân hàng và chiến lược phát triển của Ngân hàng TMCP Miền Tây theo mô hình ngân hàng bán lẻ và hướng đến các đối tượng khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Phân loại nợ và trích lập dự phòng tín dụng

Theo tiêu chí phân loại nợ quy định tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của NHNN về Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng. Theo đó tại thời điểm 31/12/2009 Ngân hàng phải trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra do khách hàng của tổ chức tín dụng không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Dự phòng rủi ro được tính theo dư nợ gốc và hạch toán vào chi phí hoạt động của tổ chức tín dụng.

Dự phòng rủi ro bao gồm: Dự phòng cụ thể và Dự phòng chung.

Dự phòng cụ thể: các khoản cho vay được phân loại theo các mức độ rủi ro và phải trích lập dự phòng cụ thể trên từng rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay (được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo quy định) theo các tỷ lệ tương ứng từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể trên giá trị cho vay thuần
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung: là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ, trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Tỷ lệ trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, các khoản chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay.

Chi tiết phân loại nợ và trích dự phòng cụ thể và dự phòng chung như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Dư nợ cho vay	Số dư ngày 31/12/2008	Số dư ngày 30/11/2009
1. Nợ đủ tiêu chuẩn	1.248.831	1.464.072
2. Nợ cần chú ý	84.298	7.821
3. Nợ dưới tiêu chuẩn	12.049	4.558
4. Nợ nghi ngờ	9.560	12.655
5. Nợ có khả năng mất vốn	9.790	20.407
Cộng	1.268.717	1.509.513
Dự phòng cụ thể (*)	4.438	4.094
Dự phòng chung (*)	1.350	2.350
Tổng dự phòng rủi ro tín dụng	5.788	6.444
Tỷ lệ Nợ xấu (**)/ tổng dư nợ	2,74%	2,19 %

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, năm 2008 và năm 2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây đã được kiểm toán.

(): trích lập dự phòng năm 2009 theo số liệu phân loại ngày 30/11/2009*

*(**): Nợ xấu bao gồm Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ, và Nợ có khả năng mất vốn*

Theo thuyết minh trong báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán Ngân hàng TMCP Miền Tây đã trích dự phòng cụ thể đầy đủ 100% theo quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và thực hiện lộ trình trích dự phòng chung nhằm tuân thủ theo quy định của NHNN.

Đối với dự phòng chung, số dư nợ vay ngày 30/11/2009 đã được phân loại Nợ tín dụng theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và số dự phòng rủi ro tín dụng chung (dự phòng chung) mà Ngân hàng TMCP Miền Tây phải trích lập là 11.251 triệu đồng (bằng 0,75% trên Tổng dư nợ trừ Nợ có khả năng vốn và cộng Cam kết ngoại bảng). Và số liệu thực tế 31/12/2009, Ngân hàng TMCP Miền Tây đã trích lập dự phòng chung là 2.350 triệu đồng, như vậy số còn phải trích lập là 8.901 triệu đồng. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN cho phép Ngân hàng trích lập đủ dự phòng chung này trong khoảng thời gian 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực (từ tháng 5/2005 đến tháng 5/2010). Ngân hàng TMCP Miền Tây có kế hoạch sẽ trích lập đủ dự phòng chung này trong năm 2010.

6.2.3. Hoạt động thanh toán quốc tế

Hoạt động thanh toán quốc tế của Ngân hàng TMCP Miền Tây bắt đầu từ năm 2008.

Trong năm 2008, doanh số thanh toán xuất khẩu của Ngân hàng đạt 698.409 USD. Trong năm 2009, doanh số thanh toán xuất khẩu của Ngân hàng đạt 2.345.552 USD. Trong đó, gạo, thủy sản là các mặt hàng xuất khẩu chủ lực được thanh toán qua Ngân hàng TMCP Miền Tây. Vì hoạt động thanh toán quốc tế của Ngân hàng TMCP Miền Tây mới đi vào hoạt động được hơn 2 năm (bắt đầu từ đầu năm 2008), và đang trong quá trình hoàn thiện và phát triển nên thị phần của hoạt động này chiếm tỷ trọng không đáng kể so với thị phần toàn hệ thống ngân hàng.

6.2.4. Hoạt động kinh doanh thẻ

Hoạt động kinh doanh thẻ của Ngân hàng đến bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2005.

Cùng với sự đầu tư liên tục về nhân lực, công nghệ và nguồn lực tài chính, hoạt động kinh doanh thẻ của Ngân hàng TMCP Miền Tây đang phát triển ngày càng mạnh và hoàn thiện hơn. Sau khi kết nối thành công hệ thống BankNet, Ngân hàng đang thực hiện thủ tục để kết nối để phát triển các loại thẻ quốc tế (Visa, Mastercard) trong thời gian tới.

Số lượng thẻ ghi nợ và doanh số sử dụng thẻ ghi nợ nội địa “Western Bank” như sau:

Nội dung	Năm 2008	Năm 2008	Năm 2009
Số lượng	202	1.340	16.921
Doanh số (Triệu đồng)	304	13.286	26.664

6.2.5. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ của ngân hàng bắt đầu từ năm 2008. Bước đầu, Ngân hàng tập trung vào dịch vụ huy động tiền gửi bằng ngoại tệ và kinh doanh ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng. Lãi từ kinh doanh ngoại tệ năm 2008 là 1.607 triệu đồng, trong năm 2009 đạt 18.261 triệu đồng, đóng góp 11,3% vào tổng thu nhập của Ngân hàng.

6.2.6. Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản

Ngân hàng TMCP Miền Tây đã được NHNN chấp thuận cho thành lập công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản trực thuộc Ngân hàng với vốn điều lệ 100 tỷ đồng theo Quyết định 3132/QĐ-NHNN ngày 16/12/2008.

Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản đã bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 5-2009.

6.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình ngân hàng TMCP, Ngân hàng TMCP Miền Tây phát triển theo định hướng của một ngân hàng bán lẻ trên nền tảng ứng dụng công nghệ hiện đại, không

ngừng cố gắng trở thành lựa chọn đầu tiên của nhà đầu tư và khách hàng cho nhu cầu về đầu tư và dịch vụ tài chính cá nhân. Tuy nhiên, trong điều kiện môi trường kinh doanh ngày càng trở nên rủi ro hơn, việc quản lý rủi ro và bảo toàn vốn là vô cùng quan trọng. Chính vì vậy, Ngân hàng TMCP Miền Tây đã và đang xây dựng một hệ thống quản lý rủi ro theo các chuẩn mực quốc tế nhằm giảm thiểu rủi ro xuống mức thấp nhất, có thể chấp nhận được.

6.3.1. Bộ máy quản trị rủi ro của Ngân hàng TMCP Miền Tây

a. Hội đồng Quản trị

- HĐQT có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Ngân hàng liên quan đến QLRR, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Ngân hàng không ngừng phát triển, an toàn và bền vững.
- Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Ngân hàng trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.
- Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của HĐQT phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

b. Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ Có (ALCO)

- ALCO là bộ phận do Tổng Giám đốc ra quyết định thành lập.
- ALCO có nhiệm vụ giám sát và quản lý tổng thể các hạng mục tài sản có và tài sản nợ trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng biệt của Ngân hàng nhằm tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá các tổn thất phát sinh do những biến động bất lợi từ thị trường; Quản lý rủi ro thanh khoản; Điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp.

c. Hội đồng Xử lý Rủi ro

- Hội đồng Xử lý Rủi ro do HĐQT thành lập và chịu trách nhiệm (i) xem xét việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro trong từng thời kỳ; (ii) quyết định xử lý các khoản nợ xấu từ quỹ dự phòng rủi ro và phương án thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được xử lý rủi ro tín dụng trong từng thời kỳ; (iii) xem xét báo cáo tình hình theo dõi, sao kê và thực hiện thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được xử lý rủi ro tín dụng.

d. Hội đồng Tín dụng

- Hội đồng Tín dụng do HĐQT ra quyết định thành lập và chịu trách nhiệm xem xét phê duyệt giới hạn tín dụng/cấp tín dụng đối với khách hàng không phải là định chế tài chính theo thẩm

quyền phân cấp của Hội đồng Quản trị.

- Ngoài ra, Hội đồng Tín dụng còn có nhiệm vụ xem xét và đề xuất lên HĐQT phê duyệt các khoản vay/tổng các khoản vay đối với một khách hàng vượt 10% vốn tự có của Ngân hàng.

e. Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước HĐQT trong việc tổ chức triển khai kịp thời và có hiệu quả các chính sách, định hướng, quyết nghị liên quan đến QLRR do HĐQT ban hành.
- Tổng Giám đốc có nhiệm vụ ban hành các quy định, các quy trình nghiệp vụ và các ý kiến chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo hoạt động QLRR trong toàn hệ thống Ngân hàng đạt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đã đề ra, đảm bảo mọi loại rủi ro đều được kiểm soát ở mức độ thích hợp, và báo cáo HĐQT kịp thời các dấu hiệu hoặc biến cố gây tác động bất lợi đến hoạt động kinh doanh bình thường của Ngân hàng.
- Tổng Giám đốc được quyền ra các quyết định có liên quan trong phạm vi được Hội đồng Quản trị phân cấp và uỷ quyền.

f. Các phòng ban QLRR tại Hội sở chính

- Các phòng ban có nhiệm vụ QLRR tại Hội sở chịu trách nhiệm tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc điều hành các hoạt động liên quan đến QLRR, bao gồm việc soạn thảo các quy trình và sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ; giám sát và đánh giá hoạt động QLRR nói chung trong toàn Ngân hàng và nói riêng đối với từng chi nhánh, phòng giao dịch trực thuộc; đề xuất các biện pháp thực thi nhằm ngăn ngừa và kiểm soát rủi ro.
- Các hạn mức về quản lý rủi ro như hạn mức về phê duyệt giao dịch liên quan đến nghiệp vụ ngân quỹ, tín dụng, tiền gửi, tiền vay được Tổng giám đốc ban hành áp dụng, và cài đặt tập trung thống nhất trên toàn hệ thống quản trị ngân hàng trực tuyến - CoreBanking.

g. Hệ thống giám sát, kiểm tra hoạt động QLRR

- Hệ thống kiểm toán nội bộ: thực hiện rà soát đánh giá một cách độc lập và khách quan đối với hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, quy chế, quy định, quy trình đã được thiết lập nhằm quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng.
- Hệ thống kiểm tra nội bộ: bao gồm các phòng/ban/bộ phận/cán bộ phụ trách kiểm tra nội bộ tại các đơn vị trực thuộc Ngân hàng. Nhiệm vụ của hệ thống kiểm tra nội bộ là theo dõi sát mọi diễn biến trong hoạt động Ngân hàng nhằm đánh giá kịp thời về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, quy chế, quy trình, hướng dẫn đã được Ngân hàng thiết lập nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời mọi loại hình rủi ro phát sinh.

- Ngoài ra, mọi cán bộ ở cấp quản lý (từ Giám sát/Trưởng/phó phòng trở lên) đều phải có trách nhiệm giám sát và kiểm tra hoạt động QLRR trong phạm vi đơn vị được Ngân hàng phân công quản lý.

6.3.2. Hoạt động quản trị rủi ro tín dụng

Hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng được thực hiện như sau

- Thiết lập môi trường làm việc công khai và minh bạch;
- Hệ thống phân cấp, thẩm quyền ra quyết định cụ thể, rõ ràng theo nguyên tắc thận trọng;
- Quy trình cấp tín dụng đảm bảo tách bạch giữa khâu thẩm định và ra quyết định. Các tiêu chuẩn cấp tín dụng được quy định rõ ràng và công khai. Mọi diễn biến đối với từng khoản cấp tín dụng được thể hiện chính xác, cập nhật và lưu trữ trên hệ thống;
- Ngân hàng đặc biệt chú trọng đến chất lượng nhân sự tín dụng, đảm bảo về mặt đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, chế độ đào tạo;

6.3.3. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt giới hạn tín dụng (GHTD)

	Cấp thẩm quyền phê duyệt	Thẩm quyền phê duyệt GHTD (tỷ đồng)
1.	<i>Hội đồng quản trị</i>	>10% vốn điều lệ
2.	<i>Hội đồng tín dụng (*)</i>	<= 10%/ vốn điều lệ
3.	<i>Tổng Giám đốc (*)</i>	
	+ Cá nhân	<= 20 tỷ
	+ Tổ chức	<= 50 tỷ

(*) Theo Nghị quyết số 2.0509/2009/BB-HĐQT của HĐQT, và do HĐQT quyết định thay đổi phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh từng thời kỳ.

6.4. Thị trường hoạt động

6.4.1. Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng TMCP Miền Tây

Sau khi được chấp thuận chuyển đổi mô hình từ Ngân hàng TMCP nông thôn thành Ngân hàng TMCP đô thị vào tháng 06/2007, Ngân hàng TMCP Miền Tây không ngừng thực hiện mở rộng mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch trên phạm vi cả nước. Sau hơn 2 năm chuyển đổi, Ngân hàng đã phát triển thêm thêm gần 40 văn phòng, và tính đến tháng 12/2009 Ngân hàng có 1 Sở giao dịch, 5 Chi nhánh (CN) và 52 Phòng giao dịch (PGD) đã đi vào hoạt động trên cả nước (Chi tiết về các chi nhánh, PGD được thể hiện ở Phụ lục 1 kèm theo Bản cáo bạch này).

6.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

a. Mạng lưới khách hàng

Tính đến thời điểm 31/12/2009, tổng số khách hàng có giao dịch với Ngân hàng TMCP Miền Tây là 89.241 khách hàng, trong đó khách hàng tổ chức là 777 khách hàng và khách hàng cá nhân là 88.464 khách hàng.

Bảng phân loại khách hàng theo địa bàn:

Tỷ trọng theo địa bàn	Khách hàng tổ chức	Khách hàng cá nhân	Tổng số khách hàng giao dịch
Cần Thơ	137	10.008	10.145
TP. HCM	137	46.727	46.864
Hà Nội	172	6.019	6.191
Đà Nẵng	56	3.667	3.723
Long Xuyên	18	1.403	1.421
Vũng Tàu	16	1.127	1.143
Bắc Ninh	33	1.111	1.144
Quy Nhơn	47	2.374	2.421
Bình Dương	16	546	562
Biên Hòa	26	848	874
Cao Lãnh	17	432	448
Hà Đông	9	727	736
Ngã Bảy Hậu Giang	2	163	165
Rạch Giá Kiên Giang	17	264	281
Đà Lạt	7	1.609	1.616
Long An	10	805	815
Hội An	13	1.192	1.205
Tây Ninh	7	249	256
Huế	11	2.075	2.086
Mỹ Tho	9	518	527
Vĩnh Long	17	6.601	6.618
Tổng cộng	777	88.464	89.241

b. Các loại dịch vụ cho khách hàng

- *Đối với khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng cung cấp các dịch vụ:*
 - Chuyển tiền trong nước và ngoài nước
 - Thanh toán quốc tế
 - Phát hành bảo lãnh
 - Đại lý thẻ, mua bán ngoại tệ
 - Trả lương CBCNV
 - Tiền gửi thanh toán VND, USD
 - Tiền gửi tiết kiệm VND, ngoại tệ
 - Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, cho vay xuất khẩu, cho vay thấu chi
 - Dịch vụ ngân quỹ: giao dịch về tiền mặt và vàng tại trụ sở Công ty;
 - Dịch vụ khác: Truy vấn tài khoản, Phone Banking,.....
- *Đối với khách hàng cá nhân:*
 - Chuyển và nhận tiền : trong nước, nước ngoài, nhận tiền qua Western Union,
 - Phát hành bảo lãnh
 - Thanh toán mua bán nhà, đất
 - Mua bán ngoại tệ
 - Thẻ thanh toán, thẻ tín dụng, thanh toán hộ (điện, nước, ...)
 - Tiền gửi thanh toán VND, USD, Tiền gửi tiết kiệm VND, ngoại tệ
 - Cho vay tiêu dùng, vay tín chấp, vay trả góp, vay du học, vay mua xe, mua nhà, vay nông nghiệp
 - Dịch vụ ngân quỹ: chuyển tiền, giao dịch về tiền và vàng tại nhà.
 - Dịch vụ khác: truy vấn tài khoản, dịch vụ Phone Banking, chiết khấu chứng từ có giá,.....

6.4.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

Thị phần của Ngân hàng TMCP Miền Tây trong hệ thống các ngân hàng thương mại chưa cao, chỉ dừng ở mức dưới 1%. Ngân hàng đang trong thời gian mở rộng mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch. Với tốc độ phát triển nhanh mạng lưới hoạt động như hiện nay, Ngân hàng hy vọng thị phần Ngân hàng sẽ tăng trong những năm tới.

Song song với quá trình mở rộng quy mô và mạng lưới hoạt động, Ngân hàng không ngừng phát triển các sản phẩm mới để phục vụ khách hàng, xâm nhập và phát triển thị phần trên cơ sở phát huy những điểm mạnh, đặc biệt là về công nghệ cao:

- Là Ngân hàng duy nhất trên thị trường sử dụng công nghệ vân tay trong giao dịch ngân hàng và cho khách hàng;
- Hệ thống CoreBanking được vận hành ổn định với đầy đủ các phân hệ nghiệp vụ và kết nối trực tuyến tất cả các chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc đảm bảo khách hàng giao dịch bình thường và như nhau tại mọi văn phòng.
- Là Ngân hàng duy nhất triển khai “*Chương trình sinh viên*” nhằm quảng bá hình ảnh và tạo nền tảng phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại cho các khách hàng tiềm năng trong tương lai;

6.5. Các dự án đầu tư đang thực hiện

Theo kế hoạch kinh doanh năm 2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, nhằm khẳng định định hướng phát triển ổn định và lâu dài, Ngân hàng sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động, xây dựng trụ sở và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin của ngân hàng, cụ thể như sau:

- Nâng cấp và mở thêm 19 chi nhánh ở các tỉnh trong nước trong năm 2009;
- Mở thêm 14 phòng giao dịch trên phạm vi toàn quốc trong năm 2009;
- Xây dựng các trụ sở Ngân hàng tại các tỉnh/thành trên cả nước mà Ngân hàng đã mua đất.

Đến thời điểm 31/12/2009, Ngân hàng đang đầu tư công nghệ chủ yếu như sau:

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời gian dự kiến hoàn thành	Thực hiện đến 31/12/2009
1	Hệ thống SAN	10	01/2010	Hoàn tất 90%
2	Trang thiết bị công nghệ thông tin cho các văn phòng mới	10	01/2010	Hoàn tất theo tiến độ mở mạng lưới
3	Nâng cấp hệ thống đường truyền cho các văn phòng	1	01/2010	Đang triển khai
4	Đầu tư hệ thống máy Kios Banking và phần mềm	10	12/2010	Chuẩn bị triển khai
5	Trang bị thêm hệ thống ATM cho các văn phòng mới	4	01/2010	Đã mua và đang triển khai
Tổng cộng		35		

Đến thời điểm 31/12/2009, Ngân hàng có các kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản như sau:

STT	Văn phòng trụ sở ngân hàng	Mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Thời gian dự kiến hoàn thành	Thực hiện đến 31/12/2009
1	01 Hội sở chính (16 tầng) tại TP. Cần Thơ	53	8/2011	Hoàn tất thiết kế
2	01 Trụ sở (05 tầng) tại TX. Thù Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	3	3/2010	Đang xây dựng
3	03 Trụ sở (2 tầng) tại Thốt Nốt/Thới Lai/Cờ đỏ, TP Cần Thơ	6	06/2010	Hoàn tất thiết kế
4	01 Trụ sở (5 tầng) tại TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.	3	06/2010	Hoàn tất thiết kế
5	05 Trụ sở (5 tầng) tại Kiên Giang, Đồng Tháp, Mỹ Tho, Vĩnh Long, và Long An.	16	09/2010	Đang thiết kế
6	03 Trụ sở tại TP. Đà Nẵng, TP.Hội An và TX. Tam Kỳ	6	09/2010	Đang thiết kế
Tổng cộng (14 trụ sở)		87 tỷ	Hoàn tất trong năm 2010	

6.6. Trình độ công nghệ tin học

Với định hướng phát triển là không ngừng cung cấp cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ đa dạng, tiện ích có hàm lượng công nghệ cao và tăng hiệu suất làm việc của nhân viên, Ngân hàng TMCP Miền Tây đã và đang tiếp tục triển khai dự án hiện đại hoá công nghệ thông tin. Hiện nay Ngân hàng đang sử dụng hệ thống phần mềm Corebanking - Microbank. Đây là một chương trình phần mềm ưu việt, hiện đại, linh hoạt, đáp ứng các yêu cầu trực tuyến và môi trường xử lý tức thời, theo sát các thông lệ và các yêu cầu nghiệp vụ của Ngân hàng. Hệ thống đã cho phép thực hiện tất cả các chức năng nghiệp vụ của một ngân hàng thương mại và điểm nổi bật là hệ thống sử dụng công nghệ vân tay trong việc đăng nhập và phê duyệt giao dịch nhằm đảm bảo độ bảo mật và an toàn. Hệ thống Server được đầu tư đồng bộ, có thể chạy nhiều ứng dụng và đảm bảo kết nối dữ liệu liên tục và thông suốt. Hệ thống lưu trữ và sao lưu dữ liệu trên hệ thống SAN tập trung, liên tục đúng lịch trình tự động đảm bảo dữ liệu quan trọng luôn được sao lưu và bảo vệ.

Với hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và những ứng dụng tối ưu của công nghệ thông tin sẽ hỗ trợ đắc lực cho quá trình phát triển của Ngân hàng trong tương lai.

6.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Ngân hàng TMCP Miền Tây đã từng bước nghiên cứu và triển khai thêm các sản phẩm mới để đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, bao gồm các nhóm sản phẩm chính như sau:

- Sản phẩm tiền gửi như tiết kiệm cao niên, tiết kiệm siêu lãi suất, tiết kiệm phụ nữ Việt Nam, tiết kiệm AUD/USD, và đang triển khai các sản phẩm tiết kiệm bảo an, tiết kiệm lãi suất thả nổi, tiết kiệm vượt thời gian...
- Sản phẩm tín dụng như cho vay tín chấp, cho vay kinh doanh lúa gạo, cho vay tiêu dùng nông thôn, cho vay sinh viên, cho vay du học, cho vay hoán đổi lãi suất...
- Sản phẩm dịch vụ chi hộ lương, dịch vụ ngân hàng điện tử (internet banking/ phone banking/ SMS banking và Kiosbanking).

6.8. Các hoạt động quan hệ công chúng

Để tạo dựng niềm tin cho cổ đông của Ngân hàng, tạo dựng hình ảnh thiện chí của ngân hàng trước công chúng đầu tư, Ngân hàng TMCP Miền Tây đã tiến hành:

- Thực hiện chiến lược hình ảnh và hoạt động Ngân hàng thông qua hình thức công bố và đăng tải thông tin có liên quan đến Ngân hàng trên báo chí, truyền thông, tổ chức các sự kiện.
- Thiết lập mối quan hệ với giới báo chí và giới truyền thông;
- Tham gia các hoạt động ủng hộ tài trợ cho các trường học, bệnh viện.

7. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh năm 2007, năm 2008 và năm 2009

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008		Năm 2009	
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>%</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>%</u>
Tổng tài sản	1.295.278	2.661.681	105%	10.314.177	288%
Vốn điều lệ	200.000	1.000.000	400%	1.000.000	-
Nguồn vốn chủ sở hữu	234.110	1.101.678	371%	1.136.942	3%
Thu nhập lãi thuần	13.922	163.376	1.074%	163.832	-
Lãi thuần từ HĐ dịch vụ	5.814	3.225	(45%)	62.268	1831%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	-	1.607	-	18.261	1036%

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008		Năm 2009	
Lãi thuần từ đầu tư dài hạn	34.030	16.315	-52%	-	-
Lãi thuần từ HĐ khác	3.756	2.244	(40%)	(67)	-
Tổng thu nhập hoạt động	57.522	186.767	225%	244.294	31%
Tổng chi phí hoạt động	(15.847)	(44.325)	180%	(83.689)	89%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	41.675	142.442	242%	160.605	13%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(710)	(4.383)	517%	(455)	(90%)
Tổng lợi nhuận trước thuế	40.965	138.059	237%	160.150	16%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(10.547)	(38.205)	262%	(40.771)	7%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(486)	-	123	-
Chi phí thuế TNDN	(10.547)	(38.691)	267%	(40.648)	5%
Lợi nhuận thuần trong kỳ	30.418	99.368	227%	119.502	20%
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (VND)	1.521	1.169	(23%)	1.207	3%
Tỷ suất LNT/Vốn CSH (ROE)	13,0%	9,0%	(31%)	10,5%	16,7%
Tỷ suất LNT/Tổng TS (ROA)	2,35%	3,7%	59%	1,16%	(68,6%)
Hệ số an toàn Vốn (CAR)	57,7%	75,0%	29%	23,12%	(69,2%)

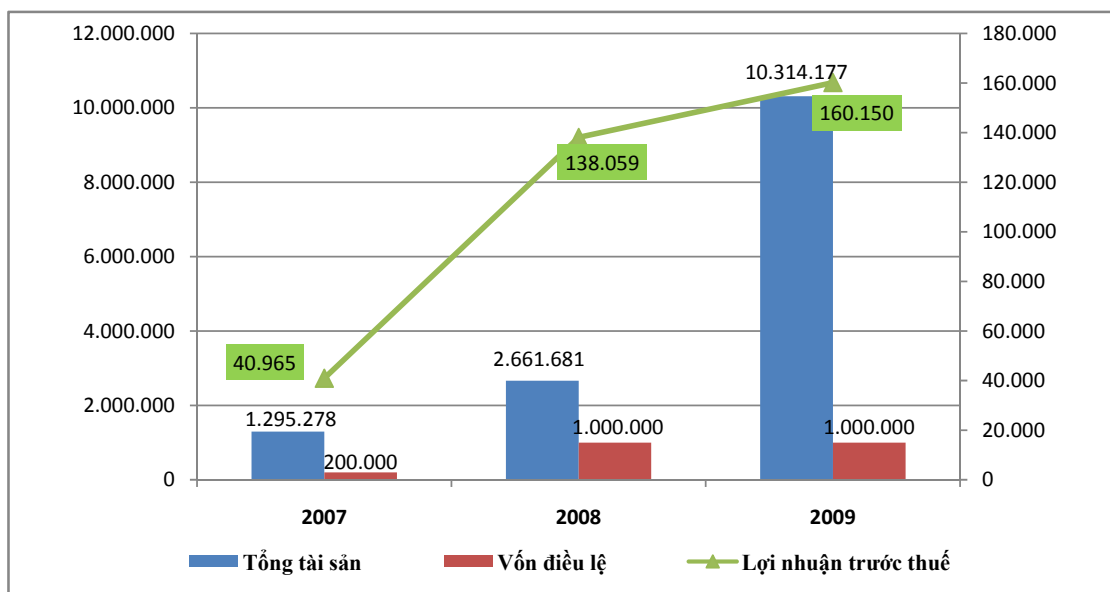
Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, năm 2008 và năm 2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây đã được kiểm toán.

Hiệu quả hoạt động của Ngân hàng qua các năm như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009
Tổng tài sản	506.268	1.295.278	2.661.681	10.314.177
Vốn điều lệ	52.702	200.000	1.000.000	1.000.000
Lợi nhuận trước thuế	20.281	40.965	138.059	160.150

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, năm 2008 và năm 2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây đã được kiểm toán.

ĐỒ THỊ TĂNG TRƯỞNG CỦA WESTERN BANK**7.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng**

Năm 2008, nền kinh tế Việt Nam đã đứng trước những thách thức lớn. Các dịch bệnh lợn tai xanh, bệnh lở mồm long móng ở gia súc, dịch cúm gia cầm... đã gây nhiều khó khăn cho nền kinh tế, nhất là đối với nông nghiệp và đời sống xã hội. Nền kinh tế toàn cầu cuối năm 2008 đến cuối quý 1 năm 2009 đã rơi vào vòng xoáy của khủng hoảng tài chính toàn cầu và Việt Nam cũng không nằm ngoài cơn khủng hoảng này. Để vượt qua cơn khủng hoảng, Chính phủ nhiều nước trên thế giới đã thực hiện những gói kích cầu và gói hỗ trợ khác với số tiền khổng lồ nhằm hỗ trợ nền kinh tế.

Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2008 của Việt Nam chỉ đạt 6,23% và năm 2009 là 5,32%, thấp nhất trong mấy năm gần đây. Tỷ lệ lạm phát trong năm 2008 ở mức 22,97%, tăng cao so với năm 2007, tuy nhiên năm 2009 chỉ còn tăng 6,88% so với năm 2008. Thâm hụt cán cân thương mại năm 2008 bằng 27,8% kim ngạch xuất khẩu. Bên cạnh đó, yếu tố đầu cơ đã dẫn đến lượng hàng hoá nhập quá nhu cầu thực tế và giá cả hàng hoá tăng cao, đặc biệt ở các mặt hàng quan trọng như xăng dầu, gạo, phân bón, thép và xi măng. Tình hình thị trường tài chính tiền tệ cũng trải qua những giai đoạn khó khăn và có diễn biến phức tạp. Thị trường chứng khoán năm 2008 đã sụt giảm hơn 73% so với đầu năm 2007, tuy nhiên đã tăng mạnh trong quý 2 và quý 3 năm 2009 sau khi chính sách kích cầu của Chính phủ được thực hiện và cuối năm 2009 thị trường chứng khoán đã tăng 26,8% so với cuối năm 2008. Thị trường bất động sản sau thời gian sốt nóng đã giảm mạnh và có dấu hiệu đóng băng với số lượng giao dịch ít. Giá vàng và tỷ giá USD biến động thất thường, khó khăn trong công tác dự báo.

Với mục tiêu hỗ trợ nền kinh tế vượt qua khủng hoảng kinh tế, 6 tháng đầu năm 2009 Chính phủ Việt Nam hỗ trợ nền kinh tế trong nước bằng gói kích cầu dự kiến trị giá 8 tỷ USD. Hiện nay, gói kích cầu này đã phát huy tác dụng của nó và hiệu quả là kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong quý 2 và quý 3 năm 2009 đã tốt hơn so với quý 4 năm 2008 và nền kinh tế đã có dấu hiệu phục hồi mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn còn phải giải quyết trong tương lai.

Đứng trước những khó khăn trên, Ngân hàng TMCP Miền Tây đã nỗ lực hoàn thành hết các chỉ tiêu kinh doanh đặt ra. Trong năm 2008, tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu tài chính của Ngân hàng khá cao như: vốn điều lệ trong năm 2008 gấp 5 lần năm 2007 (từ 200 tỷ đồng tăng vốn lên 1.000 tỷ đồng), tăng trưởng tín dụng năm 2008 tăng 117% so với năm 2007 và năm 2009 tăng 31,27% so với năm 2008, huy động vốn từ tiền gửi các khách hàng năm 2009 tăng 285% so với năm 2008. Về hệ số an toàn vốn (CAR) của Ngân hàng TMCP Miền Tây luôn lớn hơn qui định của NHNN là 8%. Ngân hàng đã thực hiện việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo đúng các qui định của NHNN.

Thu nhập hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm 2008 tăng mạnh so với năm 2007 tăng 225%, do năm 2008 Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ nên có nguồn vốn dồi dào cho hoạt động tín dụng. Theo đó, chi phí hoạt động năm 2008 cũng tăng 180% so với năm 2007 và năm 2009 tăng 89% so với năm 2008 do Ngân hàng tăng quy mô hoạt động và mở rộng mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch nhưng hiệu quả chi phí hoạt động trên thu nhập vẫn đảm bảo cạnh tranh. Với việc phát triển Ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ, quá trình phát triển mạng lưới giúp Ngân hàng ngày càng phát huy hiệu quả về quy mô. Lợi nhuận ròng tăng từ 30,4 tỷ đồng trong năm 2007 lên 99,4 tỷ đồng trong năm 2008, tăng 227%, và năm 2009 lên 119,5 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2008.

Hoạt động tín dụng của Ngân hàng Miền Tây trong năm 2009 tăng trưởng tốt, tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận của hoạt động tín dụng thấp, tăng trưởng tín dụng cả năm 2009 của Ngân hàng là 31,27%, mức tăng trưởng này phù hợp với qui định của NHNN, tuy nhiên tỷ lệ lợi nhuận gộp của hoạt động tín dụng thấp do Nhà nước khống chế mức tăng trưởng tín dụng, mức lãi suất cơ bản và lãi suất cho vay đầu ra trong khi chi phí huy động vốn đầu vào lại có xu hướng gia tăng.

Trong năm 2008 và năm 2009, nguồn thu lợi nhuận của Ngân hàng TMCP Miền Tây chủ yếu từ thu nhập lãi thuần, cụ thể năm 2008 chiếm 88%, năm 2009 chiếm 67% trên tổng thu nhập hoạt động. Ngoài thu nhập lãi thuần, Ngân hàng còn có nguồn thu từ hoạt động dịch vụ, hoạt động kinh doanh ngoại hối và hoạt động đầu tư dài hạn khác.

7.3. Nguyên tắc hạch toán kế toán

Báo cáo tài chính Ngân hàng TMCP Miền Tây được lập theo hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 do thống đốc Nhà nước ban hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2005 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành gồm 16 chuẩn mực theo các Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001; Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002; Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC; Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005; Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005.

Năm tài chính: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm

Dự phòng rủi ro tài chính:

Các khoản cho khách hàng vay được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính, cơ sở phân loại nợ, đánh giá rủi ro và lập dự phòng rủi ro theo qui định:

- Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 01/10/1998 và Luật sửa đổi và bổ sung một số điều trong Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực ngày 01/10/2004;
- Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng;
- Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN;
- Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007 về việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của các Tổ chức tín dụng.

Dự phòng rủi ro được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo Kết quả kinh doanh và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng xử lý rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như được phân loại vào nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản hoặc cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn:

Chứng khoán được giữ cho đến khi đáo hạn bao gồm các chứng khoán có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể và ngân hàng dự định nắm giữ các chứng khoán này cho đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán được giữ đến khi đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được dự phòng giảm giá khi giá trị sổ sách lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định

- Tài sản cố định được thể hiện bằng nguyên giá trừ khấu hao lũy kế.
- Nguyên giá của một tài sản cố định là toàn bộ các chi phí trực tiếp đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí liên quan đến bổ sung, nâng cấp và đổi mới tài sản được tính vào nguyên giá tài sản đó.
- Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được tất toán vào các khoản lãi (lỗ) phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Khấu hao của tài sản được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25 năm
Máy móc thiết bị	7-10 năm
Phương tiện vận tải	6-10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3-10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3-10 năm
Phần mềm kế toán	3-8 năm

- Đối với Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao thì không trích khấu hao.

Ghi nhận doanh thu và chi phí:

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không ghi nhận vào báo cáo Kết quả kinh doanh trong kỳ mà được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản chi phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

Cổ tức từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá qui định vào ngày lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VNĐ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. VỊ THẾ CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

8.1. Vị thế của Ngân hàng TMCP Miền Tây trong ngành

Sau 2 năm chuyển đổi sang mô hình ngân hàng đô thị và mở rộng quy mô hoạt động trên phạm vi cả nước, Ngân hàng TMCP Miền Tây đã không ngừng thực hiện chiến lược mở rộng và hoàn thiện mạng lưới, phát triển dịch vụ sản phẩm dựa trên công nghệ hiện đại và đảm bảo ngân hàng tăng trưởng ổn định và bền vững theo định hướng ngân hàng bán lẻ. Trong quá trình chuyển đổi và phát triển, Ngân hàng đã có những thành tựu ở các mặt sau:

- ***Về công nghệ:*** Ngân hàng Miền Tây rất tự hào là xếp thứ 1/22 ngân hàng thương mại về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin do Hội tin học Việt Nam tổ chức. Điều này thể hiện đúng chiến lược của Ngân hàng trong việc phát triển hạ tầng công nghệ nhằm phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng trên nền tảng công nghệ hiện đại. Ngân hàng TMCP Miền Tây là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam sử dụng công nghệ vân tay trong giao dịch trên hệ thống quản trị ngân hàng trực tuyến CoreBanking – Microbank;
- ***Về mạng lưới hoạt động:*** Ngân hàng tăng trưởng từ 10 văn phòng vào năm 2007, sau gần 3 năm chuyển đổi, mạng lưới văn phòng đến cuối năm 2009 là 01 Sở giao dịch, 5 Chi nhánh và 52 Phòng Giao dịch. Tốc độ tăng trưởng mạng lưới bình quân hàng năm là 200%.

- ***Về hiệu quả hoạt động:***

Năm 2008, mặc dù là Ngân hàng có quy mô nhỏ (tổng tài sản xếp thứ 30/34 ngân hàng thương mại, và thị phần dư nợ, huy động chưa đến 0.2% toàn ngành ngân hàng) nhưng xét về hiệu quả hoạt động, Ngân hàng TMCP Miền Tây xếp thứ 2/17 ngân hàng về tỷ số ROE, 1/17 về tỷ lệ chi phí hoạt động/thu nhập và 1/17 về tỷ suất lãi thuần (NIM) - Theo kết quả kinh doanh 2008 trong nhóm 17 ngân hàng có tổng tài sản dưới 15.000 tỷ đồng như sau:

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2008 CỦA CÁC NGÂN HÀNG TMCP CÓ TỔNG TÀI SẢN DƯỚI 15.000 TỶ ĐỒNG

Ngân hàng	Tổng TS (Tỷ đồng)	Vốn CSH (Tỷ đồng)	Dư nợ (Tỷ đồng)	ROE (%)	NIM	Chi phí / thu nhập	Dự phòng / Nợ xấu
1. SHB	14.381	2.267	6.253	8.59	1.28	39.88	-
2. Ocean Bank	14.091	1.078	5.939	4.20	0.50	58.02	-
3. ABB	13.731	3.953	6.539	1.28	2.19	72.74	28.70
4. OCB	10.094	1.591	8.597	4.09	2.78	63.96	-
5. HD Bank	9.557	1.673	6.175	3.61	1.21	61.69	33.61
6. NH Bắc Á	8.582	1.518	6.481	7.81	3.02	37.72	-
7. NH Liên Việt	7.453	3.446	2.415	12.87	6.66	25.17	-
8. NH Petrolimex	6.184	1.026	2.365	6.39	2.48	48.65	-
9. NH Nam Á	5.891	1.289	3.749	0.75	2.04	81.88	-
10. Vietnamtinghia	5.032	600	3.937	2.89	1.74	47.25	-
11. NH Gia Định	3.348	1.054	1.296	0.47	3.64	88.00	20.61
12. NH Đại Á	3.133	750	1.842	6.39	3.62	55.50	88.10
13. NH Kiên Long	2.939	1.892	2.195	1.97	4.60	59.73	31.90
14. Western Bank	2.662	1.102	1.365	9.02	6.84	23.73	15.00
15. NH Tiên Phong	2.418	1.020	275	4.95	5.62	43.81	-
16. Ficombank	1.479	675	823	8.57	0.01	515.96	-
17. Vietbank	1.267	1.024	217	2.19	4.41	49.49	23.57

Nguồn: Số liệu dựa trên các Báo cáo tài chính năm 2008 được công bố của các ngân hàng, và các chỉ tiêu tài chính chỉ có tính chất tham khảo.

Trong năm 2009, một số chỉ tiêu tài chính của Ngân hàng TMCP Miền Tây như sau:

Western Bank	Tổng TS (Tỷ đồng)	Vốn CSH (Tỷ đồng)	Dư nợ (Tỷ đồng)	ROE (%)	Chi phí / thu nhập	Dự phòng / Nợ xấu
Năm 2008	2.662	1.102	1.365	9.02	23.73	15.00
Năm 2009	10.314	1.136	1.791	10.5	34.26	16.60
Tỷ lệ tăng trưởng	287%	3,1%	31,2%	16,4%	44%	10,7%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008 và năm 2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây đã được kiểm toán.

Trong năm 2009, tỷ lệ tăng trưởng các chỉ tiêu của Ngân hàng TMCP Miền Tây khá tốt so với ngành.

▪ **Về tăng trưởng dư nợ:**

Trong năm 2008, Ngân hàng có mức tăng ở vị trí 1/nhóm 17 ngân hàng, và đạt mức tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 100%. Tăng trưởng tín dụng cao trong bối cảnh thị trường bất động sản suy giảm, Ngân hàng vẫn đảm bảo chất lượng tín dụng khi tỷ lệ nợ xấu dưới 3%, và tỷ lệ dự phòng/nợ xấu thấp nhất trong nhóm 17 ngân hàng có công bố.

Trong năm 2009, tăng trưởng tín dụng tăng đến 31,2%. Mức tăng trưởng này đảm bảo tuân thủ qui định của NHNN.

- ***Về tăng trưởng huy động vốn:***

Ngân hàng thực hiện chính sách lãi suất cạnh tranh trong số 3/các ngân hàng thương mại. Chính sách này góp phần cho Ngân hàng xấp nhập vào thị trường mới và kết quả tăng trưởng huy động năm 2008, Ngân hàng xếp thứ 8/nhóm 17 ngân hàng về tỷ lệ tăng huy động, và huy động vốn từ tiền gửi khách hàng trong năm 2008 đạt gần 860 tỷ với tốc độ tăng trưởng trong năm 2008 là 50% so với năm 2007. Năm 2009, Ngân hàng tăng huy động thêm 285% và đạt 3.309 tỷ đồng.

8.2. Triển vọng ngành

Để hỗ trợ nền kinh tế vượt qua cuộc khủng hoảng, Chính phủ đã thực hiện các chính sách kích cầu với trị giá dự tính 8 tỷ USD đồng thời thực hiện các giải pháp về điều hành chính sách tiền tệ. Với việc triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp về điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng; cùng với các chính sách kinh tế vĩ mô khác theo chủ trương kích cầu của Chính phủ, hoạt động ngân hàng và thị trường tiền tệ ổn định, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Cụ thể:

- Các chỉ tiêu tiền tệ như tổng phương tiện thanh toán và tín dụng tăng phù hợp với chủ trương kích cầu của Chính phủ, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế, góp phần quan trọng ngăn chặn suy giảm và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế: 6 tháng đầu năm 2009, tổng phương tiện thanh toán tăng 16,36%; Tăng trưởng dư nợ tín dụng trong năm 2009 tăng 37,8% so với năm 2008, con số này vượt qua mục tiêu tăng của do NHNN đặt ra là 33%. Theo lý giải của NHNN: “do tác động của các giải pháp kích thích kinh tế, nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp, hộ sản xuất tăng cao, kéo theo tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng ở mức cao”. Tuy nhiên, các TCTD vẫn đảm bảo tỷ lệ nợ xấu ở mức 2% so với tổng dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế, giảm 0,17% so với mức 2,17% vào cuối năm 2008.
- Lãi suất và tỷ giá biến động phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô.
- Hệ thống TCTD hoạt động an toàn, tăng khả năng cung ứng vốn tín dụng và dịch vụ tiện ích cho nền kinh tế.

- Kinh tế vĩ mô có những chuyển biến tích cực trong 6 tháng đầu năm 2009: Tăng trưởng kinh tế đạt 3,9% (quý I đạt 3,1%; quý II đạt 4,5%); lạm phát là 2,68%; nhập siêu là 2,1 tỷ USD, chiếm 7,6% kim ngạch xuất khẩu (6 tháng đầu năm 2008, nhập siêu chiếm 12% kim ngạch xuất khẩu); Vốn FDI cam kết đạt 8,9 tỷ USD, giải ngân đạt 4 tỷ USD cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài vẫn tin tưởng vào triển vọng kinh tế Việt Nam trung và dài hạn; hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và hộ sản xuất giảm dần khó khăn và tiếp tục phát triển; thị trường bất động sản và chứng khoán có dấu hiệu hồi phục.
- Thông qua chính sách hỗ trợ lãi suất 4% /năm cho các tổ chức và cá nhân vay vốn Ngân hàng để sản xuất kinh doanh, các ngân hàng đã phát triển mạnh được hoạt động tín dụng của mình và kết quả kinh doanh năm 2009 của các ngân hàng đều có lợi nhuận cao chủ yếu từ nguồn thu lãi tín dụng và hoàn nhập dự phòng năm 2008.

Theo nhận định của Ngân hàng Nhà nước, việc nới lỏng chính sách tiền tệ, nhất là thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất khiến cho tổng phương tiện thanh toán và dư nợ tín dụng đang ở mức cao, ảnh hưởng không thuận lợi đối với việc kiểm soát lạm phát, ổn định lãi suất thị trường trong năm 2009 và sẽ kéo dài sang năm 2010 do độ trễ của tác động chính sách tiền tệ các định hướng của năm 2010. Mặt khác, tốc độ tăng của nguồn vốn huy động của các tổ chức dụng thấp hơn tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng, gây khó khăn cho các tổ chức tín dụng trong việc cân đối vốn.

Ngân hàng Nhà nước xác định mức tổng phương tiện thanh toán và dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế năm 2010 được đặt ra tăng khoảng 25% so với cuối năm 2009.

Mặc dù tốc độ phát triển của ngành ngân hàng tăng nhanh trong những năm vừa qua nhưng hiện tại lĩnh vực ngân hàng Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn phát triển ban đầu và còn nhiều tiềm năng đáng kể. Với dân số khoảng 87 triệu người (đứng thứ 13 trên thế giới), hiện mới chỉ có khoảng 7 triệu tài khoản được mở, trong đó có 6 triệu tài khoản được mở trong 2 năm gần đây. Tỷ lệ sử dụng tiền mặt trên tổng các phương tiện thanh toán nước ta cuối năm 2007 là 18%, cao hơn 8% so với các nước trong khu vực. Ước tính khoảng 50% tiết kiệm cá nhân được giữ bên ngoài hệ thống ngân hàng chính thống dưới dạng tiền mặt, vàng và các tài sản khác. Trong các năm tới, khi nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chuyển đổi từ nền kinh tế tiền mặt sang hệ thống tài chính chính thống, tỷ lệ thâm nhập dịch vụ tài chính dự kiến sẽ có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ. Cụ thể, cuối năm 2006, Chính phủ đã phê duyệt đề án “Thanh toán không dùng tiền mặt” và hiện nay đang triển khai ở qui mô lớn. Mục tiêu của đề án là đến năm 2020, tỷ lệ tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán là 15%, số lượng tài khoản cá nhân đạt 45 triệu, hơn 90% người lao động lĩnh lương qua tài khoản và 95% khoản thanh toán giữa các doanh nghiệp được thực hiện qua ngân hàng.

So sánh tín dụng và tiền gửi nội địa trên bình quân đầu người tại Việt Nam với các thị trường mới nổi lân cận cũng cho thấy tiềm năng tăng trưởng của khu vực ngân hàng. Theo báo cáo của Ngân hàng Phát triển Châu Á, năm 2005 Việt Nam có mức tín dụng và tiền gửi bình quân đầu người tương ứng là 445 USD/người và 310 USD/người. Trong khi đó, số liệu bình quân đầu người ở Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia cao gấp 5,2 đến 14,5 lần, dao động từ 2.310 USD đến 5.876 USD. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế trong các năm tới, hoạt động ngân hàng bình quân đầu người sẽ có tốc độ phát triển nhanh chóng.

Bên cạnh tác động của việc chuyển đổi kinh tế từ nền kinh tế kế hoạch, sử dụng tiền mặt là chính sang nền kinh tế thị trường, việc hướng các dịch vụ tài chính vào khối ngân hàng bán lẻ còn là kết quả của dân số trẻ và tốc độ đô thị hóa nhanh chóng. Theo số liệu thống kê, hàng năm có khoảng 01 triệu người đến tuổi lao động và 01 triệu người sống ở nông thôn rời lên thành thị. Đây chính là những khách hàng sẽ sớm tiếp cận với các dịch vụ ngân hàng. Trước kia, 73% dân số sinh sống ở nông thôn và các vùng miền xa không được tiếp cận với các chi nhánh ngân hàng hoặc máy ATM. Tuy nhiên trong những năm gần đây, Việt Nam đang trải qua thời kỳ tốc độ đô thị hóa phát triển nhanh chóng với tỷ lệ tăng dân số thị thành là 3,6%/năm trong giai đoạn 2002 – 2005 và cho đến năm 2009 thì tỷ lệ tăng này vẫn còn tăng khá cao, làm tăng nhu cầu sử dụng các dịch vụ ngân hàng. Việc mở rộng mạng lưới hoạt động của ngân hàng phân nào đáp ứng nhu cầu trên và thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp này.

8.3. Đánh giá sự phù hợp về định hướng chiến lược phát triển của tổ chức niêm yết

Định hướng chiến lược phát triển của Ngân hàng TMCP Miền Tây

- Đa dạng hóa hoạt động kinh doanh bằng cách mở rộng và đẩy mạnh một cách phù hợp các lĩnh vực dịch vụ của một Ngân hàng bán lẻ, trở thành lựa chọn đầu tiên của nhà đầu tư và khách hàng cho nhu cầu đầu tư và dịch vụ tài chính ngân hàng;
- Phát triển Ngân hàng trên nền tảng công nghệ ngân hàng hiện đại, cơ cấu quản trị và mô hình tổ chức cũng như các chuẩn mực phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất và nâng cao nguồn nhân lực có chất lượng cao.
- Phát triển mạng lưới, đầu tư cơ sở hạ tầng, và đội ngũ khách hàng ngày càng đa dạng, gắn bó, tập trung vào khách hàng giới trẻ hướng đến sử dụng dịch vụ ngân hàng hiện đại.
- Phấn đấu đạt một số chỉ tiêu cơ bản đến năm 2011:
 - Vốn chủ sở hữu đạt 3.000 tỷ VNĐ;
 - Tổng tài sản tăng trưởng trung bình 60%/năm;

- Tỷ lệ ROE trung bình hàng năm là 18%;
- Tỷ lệ ROA trung bình hàng năm là 2-3%;
- Hệ số an toàn vốn (CAR) đạt khoảng từ 8% - 10%.

Sự phù hợp với định hướng phát triển của ngành, xu thế nền kinh tế

Việc xác định mục tiêu tăng trưởng ổn định trong các năm tới là phù hợp với triển vọng phát triển của xã hội, của ngành cũng như xu hướng gia tăng mạnh mẽ nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là từ giới trẻ. Tiềm năng phát triển kinh tế trong tương lai là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch tăng trưởng tài sản, mở rộng mạng lưới. Bên cạnh việc mở rộng mạng lưới, mở rộng các dịch vụ tài chính và phát triển các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của nền kinh tế, Ngân hàng TMCP Miền Tây xác định sự phát triển của Ngân hàng trên nền tảng công nghệ hiện đại sẽ giúp duy trì hoạt động ổn định của ngân hàng ngay cả khi nền kinh tế có những có khăn nhất định.

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số lao động của Ngân hàng TMCP Miền Tây tại thời điểm 31/12/2009 là 594 người (trong đó, người lao động Việt Nam là 594 người).

Cơ cấu lao động theo trình độ như sau:

Trình độ học vấn	Hội sở	Chi nhánh và Phòng GD	Tổng cộng
Tiến sỹ / Thạc Sỹ	6	6	12
Đại học / Cao đẳng	35	365	400
Khác	4	178	182
Tổng cộng	45	549	594

Cơ cấu lao động theo độ tuổi lao động như sau:

Độ tuổi	Hội sở	Chi nhánh và Phòng GD	Tổng cộng
Dưới 30 tuổi	25	422	447
Từ 30 đến 40 tuổi	15	97	112
Từ 40 đến 45 tuổi	4	16	20
Từ 45 đến 50 tuổi	1	6	7
Trên 50 tuổi		8	8
Tổng cộng	45	549	594

Đánh giá chất lượng nguồn lao động

Nguồn nhân lực của Ngân hàng TMCP Miền Tây trong thời gian qua đã và đang không ngừng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng để đáp ứng những yêu cầu về nhân sự trong quá trình phát triển của Ngân hàng. Ngân hàng rất chú trọng đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa đào tạo về kỹ năng, nghiệp vụ ngân hàng trong và ngoài nước. Do đó, Ngân hàng TMCP Miền Tây đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có tuổi đời bình quân trẻ, được đào tạo bài bản về lĩnh vực tài chính ngân hàng, có kiến thức về kinh tế thị trường tương đối toàn diện, có khả năng thích nghi nhạy bén với môi trường kinh doanh hiện đại và mang tính hội nhập cao.

Thời gian làm việc

Ngân hàng tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày và không vượt quá 48 giờ một tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, dự án thì nhân viên của Ngân hàng có trách nhiệm làm thêm giờ. Ngân hàng có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết

Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động, những nhân viên có thời gian làm việc tại Ngân hàng từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Ngân hàng nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép theo quy định của luật.

Ngân hàng thanh toán chế độ lương, ốm, thai sản theo luật và quy định của ngân hàng.

Điều kiện làm việc

Ngân hàng trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho nhân viên. Hàng năm, Ngân hàng áp dụng chế độ định kỳ khám kiểm tra sức khỏe tổng hợp cho toàn thể nhân viên.

Chính sách thu hút nhân tài

Ngân hàng dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Ngân hàng nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Ngân hàng.

Đào tạo

Ngân hàng chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho

nhân viên thông qua việc mở các trung tâm đào tạo tại các chi nhánh, tổ chức các lớp kỹ năng và nghiệp vụ ngân hàng cho tất cả nhân viên, và cử cán bộ phù hợp tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ tổ chức trong và ngoài nước.

Chính sách lương

Ngân hàng xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người.

Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên nhân viên gia tăng hiệu quả làm việc và đóng góp cho sự phát triển của Ngân hàng, Ngân hàng có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung của Ngân hàng hàng năm.

Bảo hiểm và phúc lợi

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Ngân hàng trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định của pháp luật cho tất cả nhân viên chính thức.

Trợ cấp thôi việc và/hoặc Bảo hiểm thất nghiệp: Ngân hàng có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ nhân viên về thủ tục để nhân viên thôi việc được hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của luật, và/hoặc thanh toán chế độ trợ cấp thôi việc cho nhân viên theo luật định.

Chi phúc lợi: Cũng từ nguồn kinh phí của Quỹ phúc lợi, tùy kết quả kinh doanh hàng năm, Ngân hàng tổ chức cho nhân viên đi khám sức khỏe, đi nghỉ mát. Các chuyến đi này đã góp phần tích cực vào việc tăng cường tinh tập thể và xây dựng một tập thể nhân viên Ngân hàng đoàn kết, vững mạnh, hình thành nên văn hóa riêng của Ngân hàng TMCP Miền Tây.

Chính sách phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên

Nhằm tạo động lực phấn đấu cho nhân viên, Ngân hàng có chính sách phát hành cổ phiếu với giá ưu đãi cho nhân viên đang làm việc trong Ngân hàng. Chương trình này được thực hiện vào tháng 3 năm 2008 trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ lên 1.000 tỷ.

Sự tuân thủ pháp luật của nhân viên

Mọi cá nhân trong Ngân hàng nghiêm túc tuân thủ mọi qui định của pháp luật về lao động được bộ Luật Lao động qui định như: ký hợp đồng lao động với người lao động, tuân thủ mọi qui định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Ngân hàng thực hiện chính sách chi trả cổ tức theo qui định của Luật doanh nghiệp và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng Quản trị Ngân hàng sẽ dự kiến duy trì một mức cổ tức hợp lý cho các cổ đông và đảm bảo mức tích lũy tái đầu tư cho Ngân hàng.

Ngân hàng đã duy trì chính sách cổ tức trả cho các cổ đông ở mức 10% (trên mệnh giá cổ phiếu) trong 2006 và 11% trong năm 2007 và 8% trong năm 2008.

Ngân hàng chưa có dự kiến về mức chia cổ tức năm 2009, và mức chia cổ tức năm 2009 sẽ được Đại hội cổ đông quyết định dựa trên kết quả kinh doanh của năm 2009.

11. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Ngân hàng được ghi chép bằng đồng Việt nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Mức lương bình quân

Lương nhân viên bình quân của Ngân hàng trong năm 2008 là 3,6 triệu đồng /tháng/người. Ngân hàng thực hiện đầy đủ các quy định về bảo hiểm, các khoản lương, thưởng, phụ cấp.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Vào thời điểm 31/12/2009, Ngân hàng không có bất kỳ một khoản nợ phải trả quá hạn nào. Ngân hàng thanh toán công nợ đúng thời gian quy định theo thỏa thuận với khách hàng.

Chính sách khấu hao

Xem phần “7.3. Nguyên tắc hạch toán kế toán – phần tài sản cố định”

Các khoản phải nộp theo luật định

Ngân hàng kê khai và thực hiện nghiêm túc việc nộp thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Trích lập các quỹ

Theo Nghị định 146/2005/NĐ- BTC về Chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng, Ngân hàng phải trích từ lợi nhuận giữ lại để lập các quỹ dự trữ theo tỷ lệ sau:

<u>Loại quỹ</u>	<u>Tỷ lệ trích trên Lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích tối đa</u>
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% Lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính	10% Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung VDL	25% Vốn điều lệ
Quỹ Đầu tư phát triển	Tỷ lệ trích lập do ĐHĐCĐ quyết định	Không quy định
Quỹ khác thuộc vốn CSH	Tỷ lệ trích lập do ĐHĐCĐ quyết định	Không qui định

Hiện nay Ngân hàng đã trích lập đầy đủ các quỹ theo qui định nêu trên. Số dư các quỹ các năm 2007, 2008 và 2009 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	2.667	7.635	13.796
Quỹ dự phòng tài chính	5.029	14.469	26.175
Quỹ Đầu tư phát triển	02	455	02
Quỹ khác thuộc vốn CSH	33	30	113
TỔNG CỘNG	7.731	22.589	40.086

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, năm 2008 và năm 2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây đã được kiểm toán.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1. Quy mô vốn			
Vốn điều lệ	200.000	1.000.000	1.000.000
Tổng tài sản	1.295.278	2.661.681	10.314.177
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	57,7%	75,0%	23,12%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Tổng huy động tiền gửi từ khách hàng	572.452	859.372	3.309.043
Tổng dư nợ cho vay khách hàng	628.415	1.364.529	1.791.247
Doanh số cho vay (triệu đồng)	426.334	1.964.300	1.738.156
Doanh số thu nợ (triệu đồng)	257.097	1.228.187	1.326.286
Nợ xấu cuối kỳ (triệu đồng)	6.938	34.703	37.498
3. Hệ số sử dụng vốn			
Tỷ lệ LN sau thuế / VDL bình quân	13,93%	11,69%	11,95%

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Tỷ lệ LN sau thuế/ TTS bình quân	3,09%	5,03%	1,84%
Tỷ lệ nợ xấu / Tổng dư nợ	1,1%	2,3%	2,19%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ tổng dư nợ bảo lãnh	-	-	-

4. Khả năng thanh toán

Tỷ lệ tài sản có có thể thanh toán ngay / tài sản nợ phải thanh toán (lần)	0,30	0,25	0,26
Tỷ lệ tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn	1,07	1,04	0,90

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, năm 2008 và năm 2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây đã được kiểm toán.

Tổng tài sản của Ngân hàng cuối năm 2009 tăng trưởng 287% so với cuối năm 2008. Do nguồn vốn điều lệ chưa thay đổi so với cuối năm 2008 nên tổng tài sản tăng chủ yếu từ nguồn vốn huy động vốn từ các TCTD và tiền gửi của khách hàng.

Hoạt động tín dụng năm 2008 của Ngân hàng tăng mạnh, dư nợ tín dụng tăng 117% so với cuối năm 2007, doanh số cho vay năm 2008 tăng gấp 3,6 lần so với năm 2007. Trong năm 2009, hoạt động tín dụng không thuận lợi, tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2009 của Ngân hàng là 31,27% so với năm 2008, và do Nhà nước khống chế mức tăng trưởng tín dụng, mức lãi suất cơ bản và lãi suất cho vay đầu ra trong khi chi phí huy động vốn đầu vào lại có xu hướng gia tăng nên tỷ lệ lợi nhuận gộp của hoạt động tín dụng thấp.

Tỷ lệ an toàn vốn năm 2009 của Ngân hàng ở mức cao ở mức 23,12% trong khi qui định của Ngân hàng Nhà nước là cao hơn 8%). Tỷ lệ Nợ xấu của Ngân hàng là 2,19%, tỷ lệ này thấp so với quy định là 3%.

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / VDL bình quân (hay Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS)) năm 2007 là 13,93% (hay EPS là 1.393 đồng/ 1 cp), và năm 2008 là 11,69% (hay EPS là 1.169 đồng/ 1 cp). EPS năm 2008 giảm so với năm 2007 là do trong năm 2008 Ngân hàng có thực hiện tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ lên 1.000 tỷ và nguồn vốn thu được từ việc tăng vốn này phải mất một thời gian để đầu tư mới mang lại lợi nhuận trong tương lai. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / VDL bình quân (hay Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS)) năm 2009 đạt 12,07% (hay EPS là 1.207 đồng/ 1 cp) tăng 3,25% so với năm 2008. Đây là một nỗ lực lớn của Ngân hàng trong tình hình hoạt động tín dụng không mấy thuận lợi trong tình hình kinh tế khó khăn trong và ngoài nước.

Khả năng thanh toán ngắn hạn được Ngân hàng duy trì ở tỷ lệ khá (tài sản ngắn hạn lớn hơn nợ ngắn hạn) nên rủi ro thanh toán thấp.

12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị

Chức vụ	Tên	Năm sinh	CMND/Hộ chiếu
Chủ tịch	Trần Quang Sơn	1961	020774676
Phó Chủ tịch	Đình Ngọc Sơn	1963	020540685
Ủy viên	Vũ Quang Thịnh	1964	011574744
Ủy viên	Nguyễn Tri Hồ	1964	023742760
Ủy viên	Đào Hùng Tiến	1971	011555197

Ông TRẦN QUANG SƠN

Giới tính	: Nam
Ngày sinh	: 07 tháng 04 năm 1961
Nơi sinh	: Sài Gòn
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số chứng minh thư nhân dân	: 020774676 cấp ngày 24/09/1999 tại CA.TP.HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 151/6 Lê Thiệt, P.Phú Thọ Hòa, Q.Tân Phú, TP.HCM
Chỗ ở hiện tại	: 151/6 Lê Thiệt, P.Phú Thọ Hòa, Q.Tân Phú, TP.HCM
Điện thoại liên lạc tại cơ quan	: (84-8) 3 997 9313
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Tài chính – Tín dụng

Quá trình công tác

1987-1994	Phó phòng kinh doanh – Công ty Vận tải biển Sài Gòn
1994 - 1996	P.Tổng Giám đốc Liên doanh vận tải biển KATRAN
1996 – 1997	Chuyên viên – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
1997 – 2002	Giám đốc – Công ty Cổ phần cảng Container Đồng Nai
2003 – 05/2004	Chuyên viên – Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
06/2004 – 06/2008	Giám đốc Ban Đầu tư phát triển – Công ty CP Xây dựng và VLXD Sài Gòn

07/2008 – Nay	Chủ tịch HĐQT – Ngân hàng TMCP Miền Tây
Chức vụ hiện nay	: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Miền Tây
Số cổ phần nắm giữ	
Sở hữu cá nhân	: 100.000 cổ phần
Đại diện sở hữu	: Không
Những người có liên quan	: Không có cổ phiếu nắm giữ
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng	: Không
Các khoản nợ đối với Ngân hàng	: Không

Ông ĐINH NGỌC SƠN

Giới tính	: Nam
Ngày sinh	: 10 tháng 06 năm 1963
Nơi sinh	: Cần Thơ
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số chứng minh thư nhân dân	: 020540685 cấp ngày 21/03/1996 tại CA TP.HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 169/72/88 Ngô Tất Tố, P.22, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
Chỗ ở hiện tại	: 18/8 Hồ Biểu Chánh, P.11, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
Điện thoại liên lạc tại cơ quan	: (84-8) 3 930 6100
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

Quá trình công tác

11/1988 – 11/1990	: Phụ trách chứng từ hàng xuất, thông dịch viên Công ty XNK Tỉnh Đồng Tháp
12/1990 – 12/1991	: Thư ký, thông dịch viên Công ty dịch vụ cơ quan nước ngoài (FOSCO)
12/1991 – 08/1992	: Trợ lý giám đốc, thông dịch viên Công ty TNHH thương mại, tư vấn đầu tư Thái Bình Dương
09/1992 – 01/1996	: Trợ lý giám đốc, Cửa hàng trưởng Công ty TNHH thương mại, tư vấn đầu tư Thái Bình Dương
02/1996 – 10/2001	: Trưởng phòng quan hệ đối ngoại và thanh toán quốc tế Ngân hàng BIDV – Chi nhánh HCM

10/2001 – 06/2003 : Giám đốc Khởi phát triển kinh doanh;
Giám đốc Trung tâm thẻ;
Giám đốc dự án Trung tâm dịch vụ khách hàng (Call Center);
Phó Ban chiến lược;
Trưởng Ban Website dịch vụ ngân hàng qua mạng internet;
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

06/2003 – 06/2004 : Du học Úc

06/2004 – 11/2004 : Phó Giám Đốc Ngân hàng TMCP Nông Thôn Cờ Đỏ

11/2004 – Nay : Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Miền Tây

Chức vụ hiện nay : Phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Miền Tây,
Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Miền Tây

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 480.700 cổ phần

Đại diện sở hữu : Không

Những người có liên quan

Họ tên Mẹ: Lê Thị Thanh Trúc Số cổ phần nắm giữ: 770.000 cổ phần

Họ tên Vợ: Bùi Chung Huyền Số cổ phần nắm giữ: 136.605 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng : Không

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không

Ông VŨ QUANG THỊNH

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 11 tháng 09 năm 1964

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số chứng minh thư nhân dân : 011574744 do Công An Hà Nội cấp ngày 26/1/2000

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 11 Ngõ Hậu Khuông, Phường Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại : Nhà 11 số 205 Ngõ 22 đường Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại liên lạc tại cơ quan : (84-8) 3 825 6758

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD

Quá trình công tác

1987 – 1993 : Cán bộ phòng kế hoạch, Công ty Máy tính Việt Nam

1993 – 1997 : Giám đốc điều hành, Công ty Ashta International Inc.

1997 – 2002 : Trưởng phòng dịch vụ tư vấn, Công ty KPMG

2002 – 2008 : Giám đốc Công ty Tư vấn Quản lý MCG

2008 - Nay : Tổng giám đốc Công ty cổ phần quản lý quỹ SGI

Chức vụ hiện nay : Tổng giám đốc Công ty cổ phần quản lý quỹ SGI
Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Miền Tây

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 100.000 cổ phần

Đại diện sở hữu : Không

Những người có liên quan : Không có cổ phiếu nắm giữ

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng : Không

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không

Ông NGUYỄN TRI HỒ

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 14 tháng 02 năm 1964

Nơi sinh : Thừa Thiên Huế

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số chứng minh thư nhân dân : 023742760 cấp ngày 24/09/2007 tại CA.TP.HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 449/89/1 đường Trường Chinh, P.14, Q.Tân Bình, TP.HCM

Chỗ ở hiện tại : 83/94 đường Năm Châu, P.11, Q.Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại liên lạc tại cơ quan : (84-8) 3 930 6100

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngân hàng

Quá trình công tác

1987 - 1990 : Kế toán tổng hợp – Ngân hàng Đầu tư tỉnh Thuận Hải

1991 - 2001 : Trợ lý giáo vụ khoa QTKD – Trường ĐH mở Tp.HCM
2001 - 2004 : Kế toán trưởng– Công ty CP Tân Tạo, khu Công nghiệp Tân Tạo
2004 - Nay : P.Tổng giám đốc Công ty CP Khu công nghiệp Sài Gòn – Cần Thơ;
Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư XD và VLXD Sài Gòn

Chức vụ hiện nay Phó Tổng giám đốc Công ty CP Khu công nghiệp Sài Gòn – Cần Thơ
Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư XD và VLXD Sài Gòn
Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Miền Tây

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 139.500 cổ phần

Đại diện sở hữu : Không

Những người có liên quan :

Họ tên Em: Nguyễn Tri Huỳnh Nga, Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng : Không

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không

Ông ĐÀO HÙNG TIẾN

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 26 tháng 08 năm 1971

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số chứng minh thư nhân dân : 011555197 cấp ngày 25/09/2007 tại CA.TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 51 Nhà Bè, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại : 51 Nhà Bè, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại liên lạc tại cơ quan : (84-8) 3 930 6100

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

1994 – 1996 : Kiểm toán viên, Công ty kiểm toán VACO, Bộ tài chính

1997 – 1998 : Chủ nhiệm kiểm toán, Công ty kiểm toán Grant Thornton Việt Nam

1999 – 2000 : Phó giám đốc, Công ty kiểm toán CPA Hà Nội

2001 – 2002 : Chuyên gia tài chính, Dự án Cải cách kinh tế Việt Nam, Ban Đổi mới
doanh nghiệp Trung Ương, Văn phòng Chính Phủ.

Từ 2003 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty tư vấn và đầu tư Kinh Bắc

Chức vụ hiện nay

Tổng Giám đốc Công ty tư vấn và đầu tư Kinh Bắc

Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Miền Tây

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 2.800.000 cổ phần

Đại diện sở hữu : Không

Những người có liên quan : Không có cổ phiếu nắm giữ

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng : Không

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không

Ban Tổng giám đốc

Chức vụ	Tên	Năm sinh	CMND/Hộ chiếu
Tổng giám đốc	Đình Ngọc Sơn	1963	020540685
Phó Tổng giám đốc thường trực	Nguyễn Quốc Sỹ	1968	022091730
Phó Tổng giám đốc	Đặng Đức Toàn	1975	011733821
Phó Tổng giám đốc	Lê Nguyễn Trần Huân	1969	361097264
Phó Tổng giám đốc	Nguyễn Bá Vượng	1953	020163972

Ông ĐÌNH NGỌC SƠN : Xem phần Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông NGUYỄN QUỐC SỸ

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh : 28/01/1968

Nơi sinh : Tp.Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMTND/Hộ chiếu : 022091730 cấp ngày 19/12/2008 tại CA Tp.HCM.

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú : 130/C28 Phạm Văn Hai, P.2, Q. Tân Bình, Tp.HCM
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : (84-8) 39306100
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

01/1990 – 10/1992 : Kế toán Công ty dệt may Việt Thắng
11/1992 – 02/1994 : Kế toán
Công ty TNHH thương mại, tư vấn đầu tư Thái Bình Dương
03/1994 – 03/1999 : Trợ lý Giám Đốc tài chính
Ngân hàng HSBC – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh
04/1999 – 07/2001 : Giám đốc Quan hệ khách hàng doanh nghiệp
Ngân hàng HSBC – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh
05/2002 – 08/2002 : Chuyên viên nghiên cứu thị trường
Công ty Champion Communication Services.Inc. – Texas, USA
07/2003 – 02/2006 : Giám đốc Quan hệ khách hàng cấp cao – Dịch vụ Tài chính
doanh nghiệp. Ngân hàng HSBC – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh
02/2006 – 08/2007 : Giám đốc Phụ trách khối Doanh nghiệp trong nước
Ngân hàng HSBC – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh
09/2007 – 12/2008 : Phó Tổng giám đốc phụ trách phát triển kinh doanh kiêm Giám
đốc chi nhánh Hồ Chí Minh; Giám đốc tín dụng
Ngân hàng TMCP Miền Tây
01/2009 đến nay : Phó tổng giám đốc thường trực kiêm Giám đốc tín dụng
Ngân hàng TMCP Miền Tây
Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng giám đốc thường trực.
Ngân hàng TMCP Miền Tây

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : Không
Đại diện sở hữu : Không

Những người có liên quan:

Vợ Trần Thu Tuyền Số cổ phần nắm giữ: 70.660 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng : Không
Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không

Ông ĐẶNG ĐỨC TOÀN

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh : 23/12/1975

Nơi sinh : Hà Tây

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMTND/Hộ chiếu : 011733821 cấp ngày 20/07/2007 tại Công an Hà Nội.

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Phúc Thọ - Hà Tây

Địa chỉ thường trú : C1, nhà 3 tầng, ngõ Thông Phong, Quốc Tử Giám, Hà nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : (84-4) 3278 3008

Trình độ văn hoá : Tiến sỹ

Trình độ chuyên môn : Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

1998 – 2005 : Chuyên viên phân tích tài chính
Ngân hàng BNP Paribas

09/2005 – 04/2007 : Trưởng ban Kiểm toán nội bộ; Giám đốc tín dụng
Ngân hàng TMCP Quốc Tế

04/2007 - đến nay : Phó tổng giám đốc
Ngân hàng TMCP Miền Tây

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội.
Ngân hàng TMCP Miền Tây

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng : Không

Số cổ phần nắm giữ:

Sở hữu cá nhân : Không

Đại diện sở hữu : Không

Những người có liên quan : Không có cổ phiếu nắm giữ

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không

Ông LÊ NGUYỄN TRẦN HUẤN

Giới tính : Nam
Ngày, tháng, năm sinh : 12/01/1969
Nơi sinh : Thành Phố Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMTND/Hộ chiếu : 361097264
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã Cát Hanh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định.
Địa chỉ thường trú : Thị Trấn Cờ Đỏ, Huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ.
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84-71) 373 2424
Trình độ văn hoá : 12/12.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ngành Tài chính-Tiền tệ

Quá trình công tác:

Từ ngày 20/10/1989 đến ngày 29/01/1991: Nhân viên tín dụng Ngân hàng Cờ Đỏ.

Từ ngày 29/01/1991 đến ngày 18/02/1995: Phó phòng Phòng Giao dịch Thới Lai

Từ ngày 18/02/1995 đến 24/02/1996: Phó Phòng tín dụng kiêm Trưởng Phòng Giao dịch Thới Lai thuộc Ngân hàng Cờ Đỏ.

Từ ngày 24/02/1996 đến 13/12/2001: Phó Phòng tín dụng Ngân hàng Cờ Đỏ.

Từ ngày 13/12/2001 đến 22/07/2003: Trưởng Phòng tín dụng Ngân hàng Cờ Đỏ.

Từ ngày 22/07/2003 đến 01/10/2004: Phó Giám đốc thường trực Ngân hàng Cờ Đỏ.

Từ ngày 01/10/2004 đến 01/04/2005: Phó Giám đốc Ngân hàng Cờ Đỏ.

Từ ngày 01/04/2005 đến 28/09/2005: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Giao dịch Trà Nóc thuộc Ngân hàng Cờ Đỏ.

Từ ngày 28/09/2005 đến 12/12/2005: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng tín dụng

Từ ngày 12/12/2005 đến 31/12/2007: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Tín dụng Ngân hàng TMCP Miền Tây.

Từ 01/01/2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Miền Tây.

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Miền Tây
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng : Không
Số cổ phần nắm giữ :
Sở hữu cá nhân : 30.000 cổ phần
Đại diện sở hữu : Không
Những người có liên quan : Phan Huỳnh Kiều Diễm (Vợ): 3.000 cp
Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không

Ông NGUYỄN BÁ VƯỢNG

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 18 tháng 07 năm 1953
Nơi sinh : Hải Phòng
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số chứng minh thư nhân dân : 020163972 cấp ngày 28/09/2007 tại CA.TP.HCM
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 15 Đỗ Quang Đầu, Quận 1, TP. HCM
Chỗ ở hiện tại : 15 Đỗ Quang Đầu, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại liên lạc tại cơ quan : (84-8) 3 930 6100
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính- Ngân hàng

Quá trình công tác

1977 – 1987: Chuyên viên tín dụng NHNN tỉnh DakLak;
1987-1991: Phó phòng cấp phát tín dụng – Ngân hàng BIDV Chi nhánh HCM
1991-1997: Trưởng phòng phát triển nguồn vốn – Ngân hàng BIDV chi nhánh HCM
1997- 2008: Phó giám đốc phụ trách kế toán tài chính, quản lý rủi ro và pháp chế, quản lý tín dụng Ngân hàng BIDV chi nhánh HCM;
09/2008 - Nay: Phó TGD phụ trách kế toán tài chính Ngân hàng Miền Tây.

Chức vụ hiện nay : Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Miền Tây.

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 30.000 cổ phần

Đại diện sở hữu : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Những người có liên quan : Không có cổ phiếu nắm giữ

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ	Tên	Năm sinh	CMND
Trưởng ban	Lê Hoàng Lân	1975	011696584
Ủy viên	Phan Thiên Hương	1965	021590365
Ủy viên	Sú Ngọc Bích	1974	022799125

Ông LÊ HOÀNG LÂN

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 25 tháng 11 năm 1975

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số chứng minh thư nhân dân : 011696584 cấp ngày 15/12/2005 tại CA.Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 31B Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại : P.1501, chung cư Fidico, 14 Thảo Điền,Q.2, Tp.HCM

Điện thoại liên lạc tại cơ quan : (84-8) 3 825 6758

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Tài chính Kế toán

Quá trình công tác

1997 – 2002 : Kiểm toán viên – Cty TNHH KPMG

2002 – 2008 : Kế toán trưởng - Cty TNHH Tư vấn Quản lý MCG.

2008 – Nay : P.Tổng giám đốc – Cty CP Quản lý Quỹ đầu tư SGI

Chức vụ hiện nay: : Phó Tổng giám đốc – Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư SGI
Trưởng ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Miền Tây

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần

Đại diện sở hữu : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng : Không

Những người có liên quan : Không có cổ phiếu nắm giữ

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không

Bà PHAN THIÊN HƯƠNG

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 03 tháng 11 năm 1965

Nơi sinh : Thừa Thiên Huế

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số chứng minh thư nhân dân : 021590365 cấp ngày 14/08/1995 tại CA.Tp.HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 69/8 Nguyễn Tất Thành, P.13, Q.4, Tp.HCM

Chỗ ở hiện tại : 69/8 Nguyễn Tất Thành, P.13, Q.4, Tp.HCM

Điện thoại liên lạc tại cơ quan: (84-8) 3 941 5337

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính tiền tệ

Quá trình công tác

10/1984 – 03/1990 : Kế toán viên – Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Tp.HCM

04/1990 – 08/1991 : Kế toán kho bạc nhà nước Q.4 Tp.HCM.

09/1991 – 08/1995 : Kế toán/Kiểm soát viên kho bạc nhà nước Q.4 Tp.HCM

09/1995 – 06/1997 : Kế toán trưởng kho bạc nhà nước Q.4 Tp.HCM

07/2006 – 07/2007 : Kiểm soát viên/Kế toán tổng hợp

Công ty CP Cơ điện tử và tin học Cholimex

08/2007 – Nay : Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Miền Tây

Chức vụ hiện nay : Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Miền Tây

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : 19.800 cp

Đại diện sở hữu : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng : Không

Những người có liên quan : Nguyễn Minh Hoàng (chồng): 19.800 cp

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không

Bà SÚ NGỌC BÍCH

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 13 tháng 11 năm 1974

Nơi sinh : Sài Gòn

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Hoa

Số chứng minh thư nhân dân : 022799125 cấp ngày 01/08/2007 tại CA.Tp.HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 48/41 Nguyễn Biểu, P.1, Q.5, Tp.HCM

Chỗ ở hiện tại : 48/41 Nguyễn Biểu, P.1, Q.5, Tp.HCM

Điện thoại liên lạc tại cơ quan : (84-8) 3 822 8289

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác

01/1998 – 06/1999 : Kế toán viên – Công ty TNHH XD GT Đức Hạnh

07/1999 – 03/2001 : Kế toán tổng hợp – Công ty TNHH Quảng cáo Hoàng Long.

04/2001 – 06/2004 : Kế toán tổng hợp – Công ty CP Đầu tư Ma San

07/2004 – Nay : Kế toán tổng hợp – Công ty CP Đầu tư XD và VLXD Sài Gòn

Chức vụ hiện nay : Kế toán tổng hợp – Công ty CP Đầu tư XD và VLXD Sài Gòn
Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Miền Tây

Số cổ phần nắm giữ

Sở hữu cá nhân : Không

Đại diện sở hữu : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng : Không

Những người có liên quan : Không có cổ phiếu nắm giữ

Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không

Bà ĐẶNG THỊ HOÀNG PHƯƠNG

Giới tính : Nữ
Sinh ngày : 30 tháng 07 năm 1969
Nơi sinh : Tỉnh An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số chứng minh thư nhân dân : 361606968 cấp ngày 27/02/2002 tại CA. Cần Thơ
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Thới Hòa A, Thị Trấn Cờ Đỏ, Huyện Cờ Đỏ, TP Cần Thơ.
Chỗ ở hiện tại : Thới Hòa A, Thị Trấn Cờ Đỏ, Huyện Cờ Đỏ, TP Cần Thơ.
Điện thoại cơ quan : 0710.3732424 (109)
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính ngân hàng
Quá trình công tác
1988-1992 : Học tại Đại học Cần Thơ
1993-2003 : Thư ký HĐQT Ngân hàng TMCP Cờ Đỏ
08/2003- đến nay : Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Miền Tây
Chức vụ hiện nay: : Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Miền Tây
Số cổ phần nắm giữ
Sở hữu cá nhân : Không
Đại diện sở hữu : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng : Không
Các khoản nợ đối với công ty : Không
Những người có liên quan : Đặng Toàn Nhân (Em): 10.000 cổ phần
Các khoản nợ đối với Ngân hàng : Không

13. TÀI SẢN

13.1. Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	7.448	707	6.741
Thiết bị dụng cụ quản lý	28.655	4.298	24.357
Phương tiện vận tải	23.586	3.615	19.971
Tổng cộng	59.689	8.620	51.069

13.2. Tài sản cố định vô hình đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	52.719	-	52.719
Tài sản vô hình khác	17.822	2.694	15.128
Tổng cộng	70.541	2.694	67.847

13.3. Tình hình quản lý và sử dụng đất tại thời điểm 31/12/2009

Tổng diện tích đất do Ngân hàng TMCP Miền Tây quản lý, sử dụng đến 31/12/2009 là 5.309 m²

Đất phân theo mục đích sử dụng:

Đất sử dụng làm trụ sở, văn phòng giao dịch: 5.309 m²;

Đất phân theo hình thức nhận quyền sử dụng đất:

Đất nhận chuyển nhượng và đất được giao: 5.079 m²;

Thuê trả tiền hàng năm: 230 m²;

Tình hình quản lý và sử dụng đất tại thời điểm 31/12/2009

Địa điểm	Hình thức sở hữu	Thời gian	Diện tích (m ²)	Tình trạng pháp lý	Mục đích sử dụng
TP. Rạch Giá – Tỉnh Kiên Giang	N	KTH	246	CN QSD	Trụ sở Ngân hàng
TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	N	KTH	310	CN QSD	Trụ sở Ngân hàng
TX. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	N	KTH	251	CN QSD	Trụ sở Ngân hàng
TX Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	N	KTH	345	CN QSD	Trụ sở Ngân hàng
162A Đường 3/2, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	N	KTH	460	CN QSD	Trụ sở Hội sở chính
Huyện Ô Môn – TP. Cần Thơ	N	KTH	1.245	CN QSD	Trụ sở Ngân hàng
Huyện Thốt Nốt- TP. Cần Thơ	N	KTH	230	CN QSD	Trụ sở Ngân hàng
Huyện Thới Lai – TP.	N	Đến năm	450	CN QSD	Trụ sở Ngân hàng

Địa điểm	Hình thức sở hữu	Thời gian	Diện tích (m2)	Tình trạng pháp lý	Mục đích sử dụng
Cần Thơ		2041			
Huyện Bến Lức – Tỉnh Long An	N	KTH	240	CN QSD	Trụ sở Ngân hàng
TP. Mỹ Tho – Tỉnh Tiền Giang	N	KTH	232	CN QSD	Trụ sở Ngân hàng
TX. Thủ Dầu Một – Tỉnh Bình Dương	TN	20 năm	230	CN QSD	Trụ sở Ngân hàng
TP. Đà Lạt – Tỉnh Lâm Đồng	N	KTH	400	CN QSD	Trụ sở Ngân hàng
TX .Tam Kỳ - Quảng Nam	N	KTH	210	CN QSD	Trụ sở Ngân hàng
TP. Hội An – Quảng Nam	N	KTH	180	CN QSD	Trụ sở Ngân hàng
Quận Sơn Trà – TP.Đà Nẵng	N	KTH	165	CN QSD	Trụ sở Ngân hàng
TP. Thái Nguyên – Tỉnh Thái Nguyên	N	KTH	115	CN QSD	Trụ sở Ngân hàng

Trong đó:

- N : Nhận chuyển nhượng
- TN : Thuê (đất Nhà Nước) trả tiền hàng năm
- KTH : Không thời hạn
- CN QSD: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC GIAI ĐOẠN 2010-2011

14.1. Kế hoạch kết quả kinh doanh giai đoạn 2010 – 2011

Đơn vị: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2009	2010		2011	
		Kế hoạch	Tăng (giảm) so với 2009	Kế hoạch	Tăng (giảm) so với 2010
1. Thu nhập lãi thuần	164	420	156%	640	52%
2. Thu nhập HĐKD khác	80	114	43%	231	102%

CHỈ TIÊU	2009	2010		2011	
		Kế hoạch	Tăng (giảm) so với 2009	Kế hoạch	Tăng (giảm) so với 2010
3. Tổng thu nhập hoạt động	244	534	119%	871	63%
4. Chi phí hoạt động	(83)	(130)	57%	(162)	25%
<i>Chi phí lương</i>	<i>(36)</i>	<i>(52)</i>	<i>44%</i>	<i>(67)</i>	<i>29%</i>
<i>Chi phí quản lý</i>	<i>(40)</i>	<i>(52)</i>	<i>30%</i>	<i>(61)</i>	<i>17%</i>
<i>Khấu hao TSCĐ</i>	<i>(7)</i>	<i>(26)</i>	<i>271%</i>	<i>(33)</i>	<i>27%</i>
5. Lợi nhuận HĐ trước dự phòng rủi ro tín dụng	161	403	150%	710	76%
<i>Dự phòng rủi ro tín dụng</i>	<i>(1)</i>	<i>(53)</i>	<i>5200%</i>	<i>(110)</i>	<i>112%</i>
6. Lợi nhuận trước thuế	160	350	119%	600	71%
<i>Thuế TNDN</i>	<i>(41)</i>	<i>(90)</i>	<i>120%</i>	<i>(150)</i>	<i>67%</i>
7. Lợi nhuận sau thuế	119	260	118%	450	73%
8. Vốn điều lệ	1.000	3.000	200%	3.000	-
9. Tổng tài sản	10.314	10.000	-3%	16.000	60%
10. Tỷ lệ LNST/ VDL cuối kỳ	11,90%	8,70%	-27%	15%	72%

Kế hoạch kinh doanh 2010 và định hướng đến 2011 được thông qua tại Đại hội cổ đông năm 2009 ngày 09/05/2009. Kế hoạch này được xây dựng dựa trên kế hoạch hoạt động, định hướng chiến lược trong 3 năm (2009 đến 2011) và tình hình thực tế của Ngân hàng. Số liệu này là kế hoạch dự kiến, không có giá trị làm cơ sở để các nhà đầu tư ra quyết định đầu tư.

14.2. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận của tổ chức niêm yết

Với vai trò là tổ chức tư vấn niêm yết cổ phiếu Ngân hàng TMCP Miền Tây, Công ty CP Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu và phân tích nhằm đưa ra những nhận xét đánh giá về dự báo tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Miền Tây. Các nghiên cứu, phân tích hoặc đánh giá Ngân hàng TMCP Miền Tây của tổ chức tư vấn được đặt trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam trong năm 2009, các dự báo về nền kinh tế thế giới, Việt Nam và ngành ngân hàng trong các năm tiếp theo.

Kế hoạch kinh doanh năm 2010 của Ngân hàng TMCP Miền Tây (đã được ĐHĐCĐ thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2009 và định hướng kinh doanh đến 2011 tại Đại hội cổ đông thường niên 2009 ngày 09/05/2009), tương ứng với kế hoạch tăng vốn từ 1.000 tỷ lên 3.000 tỷ trong năm 2010, dự báo một số chỉ tiêu tăng trưởng như sau:

- Vốn điều lệ: 3.000 tỷ đồng;

- Tổng tài sản : 10.000 tỷ đồng ;
- Tốc độ tăng trưởng huy động vốn: 75%;
- Tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng: 260%;

Trong cuối năm 2008 và đầu năm 2009, tình hình kinh tế thế giới cũng như Việt Nam có nhiều yếu tố không thuận lợi. Khủng hoảng tài chính tại nhiều nước trên thế giới dẫn đến nền kinh tế thế giới bị suy thoái từ cuối năm 2008. Để hỗ trợ nền kinh tế vượt qua cuộc khủng hoảng, Chính phủ nhiều nước trên thế giới đã thực hiện chính sách hỗ trợ cho nền kinh tế với những số tiền hỗ trợ khổng lồ. Và sau một thời gian ngắn thực hiện các gói hỗ trợ, nền kinh tế trên toàn thế giới đã có những chuyển biến tích cực hơn và bắt đầu có dấu hiệu phục hồi trở lại.

Tăng trưởng GDP năm 2009 của Việt Nam đạt 5,32%, đây là tốc độ tăng chậm nhất trong 5 năm gần nhất. Tài chính ngân hàng là ngành có mối liên hệ thuận chiều với tốc độ phát triển kinh tế. Tuy không thể quá lạc quan về bức tranh kinh tế trong các năm tới, nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế không quá thấp và tiềm năng to lớn của ngành ngân hàng là cơ sở đặt ra tốc độ tăng trưởng khá cho các chỉ tiêu kinh doanh trong kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2010 - 2011 của Ngân hàng TMCP Miền Tây. Tiềm năng của ngành tài chính ngân hàng Việt Nam được thể hiện thông qua: tỷ suất thâm nhập của dịch vụ ngân hàng, tỷ lệ dân số trẻ và tốc độ đô thị hoá.

Với dân số 87 triệu người (đứng thứ 13 trên thế giới), hiện mới chỉ có khoảng 7 triệu tài khoản ở Việt Nam, cho thấy tỷ lệ tài khoản khoảng 8%, thuộc hàng thấp nhất toàn cầu. Ước tính khoảng 50% tiết kiệm cá nhân được giữ bên ngoài hệ thống ngân hàng chính thống dưới dạng tiền mặt, vàng và các tài sản khác. Trong quá trình nền kinh tế Việt Nam đang có bước chuyển đổi từ nền kinh tế tiền mặt sang hệ thống tài chính ngân hàng, tỷ lệ thâm nhập dịch vụ tài chính dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ bùng nổ. Theo các dự báo của các nhà phân tích, số tài khoản ngân hàng dự kiến sẽ tăng gấp 3 lần trong vòng 10 năm tới.

Trong bối cảnh khó khăn như trong năm 2009, hoạt động của các Ngân hàng thương mại Việt Nam đã gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh năm 2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây vẫn có lợi nhuận sau thuế năm 2009 tăng 20,3% so với năm 2008.

Trên cơ sở đã xem xét tác động tổng hợp của những nhân tố trên, chúng tôi cho rằng nếu không có những thay đổi trong tình hình thị trường và hoạt động của Ngân hàng theo chiều hướng khả quan hơn trong năm 2010, thì Ngân hàng sẽ có khả năng hoàn thành 100% kế hoạch các chỉ tiêu mà Ngân hàng đề ra trong năm 2010, ngoại trừ việc hoàn thành kế hoạch về tăng vốn điều lệ do tình hình huy động nguồn vốn trên thị trường đang gặp khó khăn và thời gian thực hiện. Ở đây chúng tôi xin lưu ý rằng các chỉ tiêu kế hoạch mà Ngân hàng đề ra dựa trên cơ sở kế hoạch tăng vốn điều lệ thành công.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành ngân hàng và Ngân hàng TMCP Miền Tây. Những đánh giá của tổ chức tư vấn chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

15. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG

15.1. Các cam kết ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

Căn cứ theo các Báo cáo tài chính, Ngân hàng TMCP Miền Tây còn một số cam kết tính đến thời điểm 31/12/2009 như sau:

Danh mục	Triệu đồng	
	31/12/2008	31/12/2009
Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	6.781	12.605
Bảo lãnh vay vốn	-	-
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	6.781	12.605
Bảo lãnh khác	-	-
Các cam kết vốn và thuê hoạt động	61.426	68.907
Cam kết vốn xây dựng và mua sắm thiết bị	7.940	19.927
Cam kết góp vốn đầu tư mua cổ phần	2.500	8.660
Cam kết thuê hoạt động	53.486	85.914

Ngân hàng TMCP Miền Tây thường yêu cầu ký quỹ để đảm bảo cho các hợp đồng bảo lãnh. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá

15.2. Các cam kết khác nhưng chưa thực hiện

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng TMCP Miền Tây năm 2009 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 2.0310/2009/NQ-ĐHĐCĐ (xin ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 13/10/2009), đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng. Thời gian dự kiến phát hành là trong quý 1/2010. ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT tổ chức thực hiện việc phát hành này theo đúng qui định pháp luật.

16. CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. THÔNG TIN CHUNG

Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng

Tổng số chứng khoán niêm yết : 100.000.000 cổ phần

2. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HOẶC TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Cổ đông nhân viên: Không hạn chế.

Cổ đông đặc biệt:

Số cổ phần do HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng nắm giữ là 3.710.000 cổ phần. Cổ đông đặc biệt bị hạn chế chuyển nhượng 100% cổ phiếu nắm giữ trong 6 tháng từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 6 tháng tiếp theo. Trong đó:

Cổ đông	Cá nhân nắm giữ	Tổ chức uỷ quyền cho cá nhân	Cộng
HĐQT (*)	3.620.200 cổ phần	0 cổ phần	3.620.200 cổ phần
Ban Tổng Giám đốc	60.000 cổ phần	0 cổ phần	60.000 cổ phần
Ban Kiểm soát	29.800.000 cổ phần	0 cổ phần	29.800 cổ phần
Kế toán trưởng	0 cổ phần	0 cổ phần	0 cổ phần
Cộng	3.710.000 cổ phần	0 cổ phần	3.710.000 cổ phần

(*) Bao gồm cổ phần của Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc là 480.700 cổ phần.

Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng thời điểm 31/12/2009 là: 3.710.000 cổ phiếu, chiếm 3,71% vốn điều lệ.

3. XẾP HẠNG TÍN NHIỆM

Chưa có.

4. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ NIÊM YẾT KHỞI ĐIỂM

Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Tên ngân hàng	Vốn chủ sở hữu (tại 31/12/2009)	KLCPĐLH (tại 31/12/2009)	Giá trị sổ sách /1 cổ phiếu (B)	P/B (*)
STB	10.552.973.000.000	670.035.300	15.750	1,52
ACB	10.093.224.000.000	781.413.800	12.917	2.83
EIB	13.950.299.000.000	876.226.900	15.921	1,49
SHB	2.417.155.000.000	200.000.000	12.086	1.86
Bình quân			14.168	1.92

Nguồn: Vốn chủ sở hữu và khối lượng cổ phiếu đang lưu hành (KLCPĐLH) được lấy trên BCTC năm 2009 tại ngày 31/12/2009 của các ngân hàng công bố trên website của HOSE và HNX.

(*) Mức giá (P): là giá đóng cửa của các cổ phiếu trên ngày 22/02/2010 trên bảng điện tử giao dịch.

Theo bảng thống kê trên, P/B bình quân của các ngân hàng hoạt động trong ngành Tài chính ngân hàng đang niêm yết tại ngày 22/02/2010 là 1,92

Giá cổ phiếu Ngân hàng TMCP Miền Tây theo phương pháp P/B được tính như sau:

Chỉ tiêu tại ngày 31/12/2009	Giá trị
Vốn chủ sở hữu của Ngân hàng TMCP Miền Tây	1.136.942.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99.572.085
Giá trị sổ sách /1 cổ phiếu	11.418
P/B tham chiếu	1,92
Chiết khấu về giá cổ phiếu OTC	10%
Giá cổ phiếu Ngân hàng TMCP Miền Tây theo phương pháp P/B	19.700

Nguồn: Vốn chủ sở hữu và số lượng cổ phiếu đang lưu hành lấy theo báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Miền Tây tại ngày 31/12/2009. Trong đó số lượng cổ phiếu đang lưu hành bằng số lượng cổ phiếu đã phát hành trừ cho cổ phiếu quỹ.

Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/E

Tên ngân hàng	EPS cơ bản năm 2009 (E)	Giá cổ phiếu ngày 12/11/2009 (P)	P/E
STB	2.660	23.900	9
ACB	3.200	36.500	11
EIB	1.760	23.700	13
Bình quân	3.810	32.067	11

Nguồn: EPS năm 2009 được ước tính trên cơ sở BCTC năm 2009 của các ngân hàng (chưa được kiểm toán) công bố trên website của HOSE và HNX.

Theo bảng thống kê trên, P/E bình quân của các ngân hàng hoạt động trong ngành Tài chính - ngân hàng đang niêm yết tại ngày 22/02/2010 là 11.

Giá cổ phiếu Ngân hàng TMCP Miền Tây theo phương pháp P/E được tính như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị
EPS năm 2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây	1.207
P/E tham chiếu ngành ngân hàng	11
Chiết khấu về giá cổ phiếu OTC	10%
Giá (P) cổ phiếu Ngân hàng TMCP Miền Tây theo phương pháp P/E	12.000

EPS của Ngân hàng TMCP Miền Tây lấy theo BCTC năm 2009 đã được kiểm toán.

Định giá dựa vào thông tin trên thị trường OTC

Tháng	3/2009	6/2009	10/2009	Bình quân
Giá cổ phiếu Ngân hàng TMCP Miền Tây	12.000	15.000	14.000	13.600

Nguồn: giá giao dịch OTC của cổ phiếu Ngân hàng TMCP Miền Tây được lấy ở trên là giá cao nhất trong tháng được giao dịch thành công.

Kết luận

Theo phương pháp	P/B	P/E	OTC	Bình quân
Giá cổ phiếu Ngân hàng TMCP Miền Tây	19.700	12.000	13.600	15.100

Giá bình quân của 3 phương pháp là 15.100 đồng/1 cổ phiếu.

Trên cơ sở các phương pháp tính giá ở trên đồng thời cân nhắc về biên độ rủi ro của giá cổ phiếu, Ngân hàng đề xuất **giá dự kiến niêm yết là 15.000 đồng / 1 cổ phiếu.**

5. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NĂM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Nghị định số 69/2007/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 20/4/2007 về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt Nam quy định về giới hạn tỷ lệ năm giữ cổ phần ngân hàng thương mại đối với nhà đầu tư nước ngoài như sau:

- Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả cổ đông nước ngoài

hiện hữu) và người có liên quan của các nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 30% vốn điều lệ của ngân hàng;

- Mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài không phải là tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 5% vốn điều lệ của ngân hàng;
- Mức sở hữu cổ phần của một tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của tổ chức tín dụng nước ngoài đó không vượt quá 10% vốn điều lệ của ngân hàng;
- Mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó không vượt quá 15% vốn điều lệ của ngân hàng.

Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ căn cứ đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quyết định mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó vượt quá 15%, nhưng không được vượt quá 20% vốn điều lệ của ngân hàng.

Trong đó, người có liên quan của tổ chức, cá nhân nước ngoài bao gồm:

- i. Công ty mẹ của tổ chức đó, công ty có cùng công ty mẹ với tổ chức đó;
- ii. Người hoặc tổ chức quản lý công ty mẹ, người hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ của tổ chức đó;
- iii. Công ty trực thuộc hoặc công ty con của tổ chức đó;
- iv. Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, người hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của tổ chức đó;
- v. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của tổ chức đó;
- vi. Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột (và vợ, chồng của những người này) của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của tổ chức đó;
- vii. Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột (và vợ, chồng của những người này) của cá nhân đó;
- viii. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại điểm (i), (ii), (iii), (iv), (v), (vi) và (vii) đối với chính những người ủy quyền và đối với người liên quan của người ủy quyền và người được ủy quyền.

Tại thời điểm 31/12/2009, Ngân hàng chưa có các nhà đầu tư nước ngoài (tổ chức và cá nhân).

6. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế

của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng TMCP Miền Tây được tính theo thuế suất đã ban hành (thuế suất năm 2008 là 28% và thuế suất năm 2009 trở đi là 25%).

Các loại thuế khác

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Ngân hàng còn thực hiện nộp các loại thuế khác trong quá trình hoạt động kinh doanh, bao gồm: Thuế Giá trị gia tăng, Thuế xuất nhập khẩu, Thuế nhà đất và các loại thuế khác.

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà Nước trong năm 2009 như sau:

Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số dư tại 01/01/09	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số dư tại 31/12/09
Thuế TNDN	26.864	40.771	37.150	30.485
Thuế GTGT	38	4.100	3.710	428
Các loại thuế khác	4	431	433	2
Cộng	26.906	49.402	45.003	30.915

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ : 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (+84) 8. 3821 9266 **Fax**(+84) 8. 3821 9267

Website : www.ey.com

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Lầu 1, 2, 3 Cao ốc Capital Place, Số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại : (+84) 8 3823 3299 **Fax**: (+84) 8 3823 3301

Website : www.hsc.com.vn

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN MIỀN TÂY



CHỦ TỊCH HĐQT

TRẦN QUANG SƠN

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐINH NGỌC SƠN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

LÊ HOÀNG LÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐẶNG THỊ HOÀNG PHƯƠNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRỊNH HOÀI GIANG

PHỤ LỤC 1: CÁC CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH CỦA NGÂN HÀNG

Hội sở: WESTERN BANK – 127 Lý Tự Trọng, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Sở giao dịch: WESTERN BANK – Lô 31A KCN Trà Nóc, TP. Cần Thơ

5 chi nhánh (CN) và 52 phòng giao dịch trên toàn quốc:

<u>1. CN WESTERN BANK TP.HCM</u>	9. WESTERN BANK TÂN PHÚ
202 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Q.3, TP.HCM	18A Gò Dầu, P. Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú , TP.HCM
2. WESTERN BANK ETOWN	10. WESTERN BANK CÔNG LÝ
Phòng 5.7C, Toà nhà Etown 2, 364 Cộng Hòa, P.13, Q. Tân Bình, TP.HCM	307/4 Nguyễn Văn Trỗi, P.1, Q.TB, TP.HCM
3. WESTERN BANK BÌNH TÂY	11. WESTERN BANK HÒA HƯNG
Số 36 Hậu Giang, P.2, Q.6, TP.HCM	711 Cách Mạng Tháng Tám, P.6, Q.TB, TP.HCM
4. WESTERN BANK KHÁNH HỘI	12. WESTERN BANK QUANG TRUNG
Số 167 Khánh Hội, P.3, Q.4, TP.HCM	2E Quang Trung, P.3, Q.Gò Vấp, TP.HCM
5. WESTERN BANK PHÚ MỸ HƯNG	13. WESTERN BANK LÝ THƯỜNG KIẾT
Số D2-19 Mỹ Toàn 3, Phú Mỹ Hưng, Đại lộ Nguyễn Văn Linh, P. Tân Phong, Q.7, TP.HCM	421 – 423 Lý Thường Kiệt, Q. Tân Bình, TP.HCM
6. WESTERN BANK QUẬN 1	14. WESTERN BANK PHÚ THỌ
Số 60-62 Mạc Thị Bưởi, Phường Bến Nghé, Q. 1, TP.HCM	361A Lê Đại Hành, P.11, Q.11, TP.HCM
7. WESTERN BANK BÌNH THẠNH	15. WESTERN BANK TÂN ĐỊNH
69A, Đinh Bộ Lĩnh, P. 26, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	190B Trần Quang Khải, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
8. WESTERN BANK TÂN BÌNH	16. WESTERN BANK TÔ HIẾN THÀNH
122/181 Phạm Văn Hai, P.2, Q. Tân Bình, TP.HCM	51 Tô Hiến Thành, P.13, Q.10, TP.HCM

17. WESTERN BANK VÕ VĂN TÀN

422 Võ Văn Tàn, P.5, Q.3, TP.HCM

18. WESTERN BANK LONG AN

Số 107 Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố 3, TT.Bến
Lúc, H.Bến Lúc, Long An

19. WESTERN BANK MỸ THO

25-25A Hùng Vương, P. 7, TP. Mỹ Tho, Tiền
Giang

20. WESTERN BANK VŨNG TÀU

214 Lê Hồng Phong, P. 4, TP. Vũng Tàu, Bà
Rịa Vũng Tàu

21. WESTERN BANK TÂY NINH

847 Đường Cách Mạng Tháng 8, P. Hiệp Ninh,
Tây Ninh

22. WESTERN BANK BIÊN HÒA

96/477 Khu phố 4, P.Tân Mai, TP.Biên Hòa,
Đồng Nai

23. WESTERN BANK BÌNH DƯƠNG

400 Đại lộ Bình Dương, P.Phú Lợi, Thị xã Thủ
Dầu Một, Bình Dương

24. WESTERN BANK HÙNG VƯƠNG

54A Hùng Vương, P. Thới Bình, Q. Ninh Kiều,
TP. Cần Thơ

25. WESTERN BANK CỜ ĐỎ

Thị trấn Cờ Đỏ, Huyện Cờ Đỏ, TP.Cần Thơ

26. WESTERN BANK THỐT NỐT

489 Ấp Long Thạnh A, Thốt Nốt, TP.Cần Thơ

27. WESTERN BANK TRÀ NÓC

Lô 31A, Khu Công Nghiệp Trà Nóc, TP. Cần
Thơ

28. WESTERN BANK LÝ TỰ TRỌNG

127 Lý Tự Trọng, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ

29. WESTERN BANK ĐH CẦN THƠ

Khu II, Khoa Y Dược, Trường ĐH Y Dược Cần
Thơ, Đường 3/2, TP. Cần Thơ

30. WESTERN BANK HUNG PHÚ

Lô B1-B2 KDC Nông Thổ Sản II, Phú Thứ, Cái
Răng, TP. Cần Thơ

31. WESTERN BANK Ô MÔN

226/5, QL91, P. Châu Văn Liêm, Q.Ô Môn, TP.
Cần Thơ

32. WESTERN BANK THỚI LAI

TT. Thới Lai, Huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ

33. WESTERN BANK VĨNH LONG

54 Phạm Thái Bường, P. 4, TX.Vĩnh Long, Vĩnh
Long

34. WESTERN BANK LONG XUYỀN

752 Hà Hoàng Hồ, P.Đông Xuyên, TP.Long
Xuyên, An Giang

35. WESTERN BANK ĐỒNG THÁP

132 Quốc lộ 30, P. Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, Đồng
Tháp

36. WESTERN BANK KIÊN GIANG

18 Mai Thị Hồng Hạnh, P. Rạch Sỏi, Rạch Giá,
Kiên Giang

37. WESTERN BANK HẬU GIANG

1049 Hùng Vương, Khu vực 3, P.Ngã Bảy, Hậu
Giang

38. CN WESTERN BANK ĐÀ LẠT

8C Đường 3/4 Phường 3, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm
Đồng

39. WESTERN BANK PHAN ĐÌNH PHÙNG

66B Phan Đình Phùng, P.2, TP.Đà Lạt

40. CN WESTERN BANK ĐÀ NẴNG

10 Ngô Gia Tự, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

41. WESTERN BANK HỘI AN

667 Hai Bà Trưng, TP. Hội An, Quảng Nam

42. WESTERN BANK SỐ 1

KTM Vĩnh Trung, 255-257 Hùng Vương, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

43. WESTERN BANK HOÀNG DIỆU

492 Hoàng Diệu, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng

44. WESTERN BANK HUẾ

76 Hùng Vương TP.Huế, Thừa Thiên Huế

45. WESTERN BANK QUẢNG NAM

349 Hùng Vương, TP.Tam Kỳ, Quảng Nam

46. CN WESTERN BANK QUY NHƠN

186 Tăng Bạt Hổ, TP. Quy Nhơn

47. WESTERN BANK ĐẬP ĐÁ

230 Quốc Lộ 1A, TT.Đập Đá, H.An Nhơn, Bình Định

48. CN WESTERN BANK HÀ NỘI

155 Bà Triệu, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội

49. WESTERN BANK BA ĐÌNH

83 Giang Văn Minh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

50. WESTERN BANK ĐỒNG ĐA

478 Xã Đàn, P. Nam Đồng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

51. WESTERN BANK ĐÔNG ĐỒ

34 Phan Đình Phùng, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

52. WESTERN BANK CẦU GIẤY

359 Hoàng Quốc Việt, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

53. WESTERN BANK HOÀN KIẾM

12-14 Cửa Nam, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

54. WESTERN BANK HÀ ĐÔNG

69 Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Đông

55. WESTERN BANK BẮC NINH

Số 377 Ngô Gia Tự, P. Tiền An, TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh

56. WESTERN BANK LONG BIÊN

Tầng 1 số 86 Ngô Gia Tự, Q. Long Biên, TP. Hà Nội

57. WESTERN BANK TRUNG YÊN

Số 9 Lô 14A Khu đô thị mới Trung Yên, Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
